

CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC SƠN LA

Số: 01/NQ-ĐHĐCĐ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Sơn La, ngày 17 tháng 3 năm 2023

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023

ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La;
- Căn cứ Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông thường niên số 01/BB-ĐHĐCĐ ngày 17/03/2023 của Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La thống nhất biểu quyết thông qua các nội dung sau:

1. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị (với 31 phiếu tán thành đại diện cho 9.761.071 cổ phần và bằng 100 % tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội).

Trong đó kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023
1	Sản lượng nước thương phẩm	M ³	10.832.511	11.055.000
2	Tổng doanh thu	Đồng	128.034.110.171	130.030.000.000
3	Tổng quỹ lương	Đồng	34.114.935.200	32.444.168.000
4	Kinh phí hỗ trợ làm việc	Đồng	2.693.328.000	2.693.328.000
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	19.679.842.063	17.078.480.000
6	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	14,5	Tối thiểu 12,5

2. Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và phương hướng hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát (với 31 phiếu tán thành đại diện cho 9.761.071 cổ phần và bằng 100 % tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội).

3. Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán (với 31 phiếu tán thành đại diện cho 9.761.071 cổ phần và bằng 100 % tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội).

4. Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và các quỹ (với 31 phiếu tán thành đại diện cho 9.761.071 cổ phần và bằng 100 % tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội).

5. Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023 (với 31 phiếu tán thành đại diện cho 9.761.071 cổ phần và bằng 100 % tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội).

6. Tổng thù lao của thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch tổng thù lao năm 2023 (với 30 phiếu tán thành đại diện cho 9.595.215 cổ phần và bằng 98,30 % tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội).

7. Sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và Quy chế nội bộ về quản trị công ty (với 31 phiếu tán thành đại diện cho 9.761.071 cổ phần và bằng 100 % tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông tham dự Đại hội).

Điều 2. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày 17 tháng 3 năm 2023.

Hội đồng quản trị có trách nhiệm công bố Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 và đăng tải trên Website của Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La (capnuocsonla.vn) theo đúng quy định của pháp luật về công bố thông tin.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và toàn thể cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (Để thi hành)
- Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Sơn La (Để b/cáo)
- UBCK NN (Để b/cáo);
- Lưu VT, Hồ sơ ĐHCĐ.

**TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỊCH HĐQT**



Nguyễn Văn Hồng

**BIÊN BẢN HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La**

I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP, THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM

1. Tên công ty: Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La.
2. Địa chỉ trụ sở chính: Số 55 đường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La.
3. Mã số doanh nghiệp: 5500154649 do Sở kế hoạch Đầu tư tỉnh Sơn La cấp lần đầu ngày 18/4/2005, đăng ký thay đổi và cấp lại lần thứ 7 ngày 07/01/2021.
4. Thời gian: Từ 07 giờ 15 phút ngày 17 tháng 3 năm 2023.
5. Địa điểm: Số 55 đường Tô Hiệu, thành phố Sơn La, tỉnh Sơn La

II. THÀNH PHẦN THAM DỰ ĐẠI HỘI

1. Gồm có 251 cổ đông của Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La đại diện cho 9.999.859 cổ phần, chiếm 99,99% vốn Điều lệ Công ty. Cụ thể như sau:

- Số cổ đông tham dự trực tiếp: 24 cổ đông, đại diện cho 8.784.717 cổ phần, chiếm 87,85% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Số cổ đông vắng mặt có ủy quyền: 185 cổ đông, đại diện cho 976.354 cổ phần, chiếm 9,76% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Số cổ đông tham dự trực tiếp và ủy quyền: 209 cổ đông, đại diện cho 9.761.071 cổ phần, chiếm 97,61% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

- Số cổ đông vắng không ủy quyền: 42 cổ đông, đại diện cho 238.788 cổ phần, chiếm 2,39 % tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

2. Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Ban điều hành công ty.

3. Khách mời: Không

III. Cơ cấu Đoàn Chủ tịch và các Ban giúp việc Đại hội

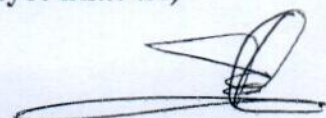
1. Đoàn Chủ tịch điều hành phiên họp

- | | |
|--|--------------|
| - Ông Nguyễn Văn Hồng: Chủ tịch Hội đồng quản trị | - Chủ tọa |
| - Ông Bùi Văn Đính: Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị | - Thành viên |
| - Ông Lương Thế Công: Thành viên Hội đồng quản trị | - Thành viên |

2. Ban Thư ký (do ĐHĐCĐ bầu với 100% phiếu biểu quyết nhất trí)

- Ông Nguyễn Tiến Hán: Thư ký Hội đồng quản trị.

3. Ban Kiểm phiếu (do ĐHĐCĐ bầu với 100% phiếu biểu quyết nhất trí)



- Ông Nguyễn Việt Hồng: Trưởng phòng KHKT - Trưởng ban
- Ông Lê Anh Vũ: Phó Trưởng phòng TCHC - Thành viên
- Ông Cẩm Đình Anh Tú: Nhân viên phòng KHKT - Thành viên

III. NỘI DUNG ĐẠI HỘI

Sau khi bàn bạc, thảo luận, 100% cổ đông tham dự Đại hội biểu quyết thông qua nội dung chương trình, quy chế làm việc của Đại hội do ông Lương Thế Công - Thành viên Hội đồng quản trị trình bày.

IV. DIỄN BIẾN NỘI DUNG CUỘC HỌP

1. Thảo luận và biểu quyết về nội dung các báo cáo và tờ trình:

1.1. Ông Nguyễn Văn Hồng - Chủ tịch HĐQT trình bày Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022, phương hướng hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị.

Trong đó kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022 và kế hoạch năm 2023 của Công ty với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023
1	Sản lượng nước thương phẩm	M ³	10.832.511	11.055.000
2	Tổng doanh thu	Đồng	128.034.110.171	130.030.000.000
3	Tổng quỹ lương	Đồng	34.114.935.200	32.444.168.000
4	Kinh phí hỗ trợ làm việc	Đồng	2.693.328.000	2.693.328.000
5	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	19.679.842.063	17.078.480.000
6	Tỷ lệ cổ tức/Vốn điều lệ	%	14,5	Tối thiểu 12,5

1.2. Bà Lê Thị Nha Trang - Trưởng Ban Kiểm soát trình bày Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022, phương hướng hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát.

1.3. Ông Bùi Văn Đính - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

1.4. Ông Lê Văn Tuấn - Thành viên Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình số 132/TTr-CN-HĐQT ngày 21/02/2023 của Hội đồng quản trị xin ý kiến cổ đông về phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và trích lập các quỹ.

1.5. Ông Lương Thế Công - Thành viên Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình số 131/TTr-CN-BKS ngày 20/02/2023 của Ban Kiểm soát xin ý kiến cổ đông về lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023.

1.6. Ông Bùi Văn Đính - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình số 133/TTr-CN-HĐQT ngày 21/02/2023 của Hội đồng quản trị xin ý kiến cổ đông về Tổng mức thù lao đối với thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Thư ký thực hiện năm 2022 và kế hoạch năm 2023.

1.7. Ông Nguyễn Văn Bá - Thành viên Hội đồng quản trị trình bày Tờ trình số 134/TTr-CN-HĐQT ngày 22/02/2023 của Hội đồng quản trị xin ý kiến cổ đông về sửa



đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

2. Đại hội nghe báo cáo và tham luận

2.1. Ông Trần Quyết Chiến - Tổng Giám đốc công ty báo cáo và phân tích rõ thêm về đặc điểm, điều kiện thuận lợi và khó khăn trong việc thực hiện SXKD năm 2022 và kế hoạch năm 2023 như sau:

- Năm 2022: Sản lượng nước thương phẩm giảm do nguyên nhân chủ yếu thời tiết mưa, lạnh kéo dài. Tỷ lệ thất thoát trung bình năm là 12,1%, công tác duy trì tỷ lệ thất thoát chưa đạt kế hoạch đề ra, cao hơn năm 2021 là 0,64%, cao hơn kế hoạch 1,1%. Nguyên nhân do áp lực vận hành chưa hợp lý; một số tuyến ống phải di chuyển do cải tạo hệ đường tại Chi nhánh Thuận Châu, Mường La, Phù Yên. Phát triển khách hàng chủ yếu phát sinh cơ học tại các địa bàn, chưa phát triển thêm địa bàn mới.

Các chỉ tiêu cơ bản về SXKD đạt được trong năm 2022 là: Sản lượng nước thương phẩm đạt 97,63% KH, bằng 100,2% so với năm 2021, dịch vụ boi lội đạt 67,79% KH, nước lọc tinh khiết đạt 97,58 % KH, kết quả SXKD chung đạt 99,14% KH, lợi nhuận sau thuế đạt 121,87% KH năm 2022.

- Năm 2023: Phân đầu hoàn thành nhiệm vụ năm 2023 được Đại hội đồng cổ đông giao. Thực hiện tốt các nghị quyết của Hội đồng quản trị, trên cơ sở tuân thủ các quy định pháp luật của nhà nước, Điều lệ Công ty, các quy chế do Hội đồng quản trị ban hành. Phát huy những ưu điểm những việc đã thực hiện tốt, khắc phục những hạn chế năm 2022. Mục tiêu tăng trưởng sản lượng nước thương phẩm, thực hiện các dự án đầu tư, các công trình cải tạo sửa chữa được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị phê duyệt. Đồng thời tích cực tìm kiếm cơ hội mở rộng mạng lưới dịch vụ, phát triển khách hàng.

- Kiến nghị của Ban điều hành: Hội đồng quản trị có các cơ chế quản trị mở, giám sát, phê duyệt khoa học để Ban điều hành có tính chủ động cao nhất phục vụ công việc điều hành sản xuất kinh doanh.

2.2. Tham luận:

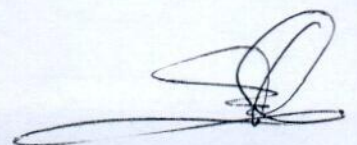
- Ông Đinh Khắc Hoàng - Đại diện cổ đông XNCN Mai Sơn: Đề nghị Hội đồng quản trị quan tâm công tác đầu tư, cải tạo các hệ thống cấp nước, các máy móc thiết bị để đáp ứng nhu cầu phát triển và hiệu quả; quan tâm tới việc làm và thu nhập của người lao động.

- Chủ tịch đại hội đã giải đáp các kiến nghị của ông Đinh Khắc Hoàng và gợi ý các cổ đông về đề xuất, kiến nghị trong thực hiện nhiệm vụ.

3. Kết quả biểu quyết các nội dung tại đại hội

- Ông Nguyễn Việt Hồng - Trưởng ban kiểm phiếu thông qua quy chế biểu quyết tại đại hội và hướng dẫn công tác biểu quyết.

- Đại hội tiến hành biểu quyết bằng phiếu kín.



- Ông Nguyễn Việt Hồng - Trưởng ban kiểm phiếu báo cáo kết quả biểu quyết như sau:

3.1. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022, phương hướng hoạt động năm 2023 của Hội đồng quản trị.

- Số cổ phần biểu quyết “đồng ý”: 31 phiếu đại diện cho 9.761.071 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần biểu quyết “không đồng ý”: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

- Số cổ phần biểu quyết “không ý kiến”: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%.

3.2. Thông qua Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022, phương hướng hoạt động năm 2023 của Ban Kiểm soát.

- Số cổ phần biểu quyết “đồng ý”: 31 phiếu đại diện cho 9.761.071 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần biểu quyết “không đồng ý”: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

- Số cổ phần biểu quyết “không ý kiến”: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%.

3.3. Thông qua Báo cáo tài chính năm 2022 đã được kiểm toán.

- Số cổ phần biểu quyết “đồng ý”: 31 phiếu đại diện cho 9.761.071 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần biểu quyết “không đồng ý”: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

- Số cổ phần biểu quyết “không ý kiến”: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%.

3.4. Thông qua Tờ trình số 132/TTr-CN-HĐQT ngày 21/02/2023 của Hội đồng quản trị xin ý kiến cổ đông về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 và các quỹ. Trong đó chi cổ tức năm 2022 là 14,50%.

- Số cổ phần biểu quyết “đồng ý”: 31 phiếu đại diện cho 9.761.071 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần biểu quyết “không đồng ý”: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

- Số cổ phần biểu quyết “không ý kiến”: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%.

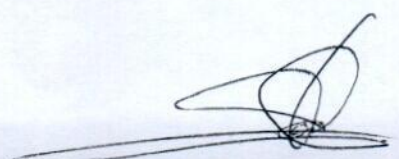
3.5. Thông qua Tờ trình số 131/TTr-CN-BKS ngày 20/02/2023 của Ban Kiểm soát xin ý kiến cổ đông về lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023.

- Số cổ phần biểu quyết “đồng ý”: 31 phiếu đại diện cho 9.761.071 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần biểu quyết “không đồng ý”: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

- Số cổ phần biểu quyết “không ý kiến”: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%.

3.6. Thông qua Tờ trình số 133/TTr-CN-HĐQT ngày 21/02/2023 của Hội đồng quản trị xin ý kiến cổ đông về tổng mức thù lao các thành viên HĐQT, Ban Kiểm soát và Thư ký HĐQT thực hiện năm 2022 và Kế hoạch năm 2023. Tổng số tiền thù lao kế hoạch năm 2023 là 127.111.000 đồng/tháng (Một trăm hai mươi bảy triệu một trăm mười một nghìn đồng).



- Số cổ phần biểu quyết “đồng ý”: 30 phiếu đại diện cho 9.595.215 cổ phần, chiếm tỷ lệ 98,30% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần biểu quyết “không đồng ý”: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

- Số cổ phần biểu quyết “không ý kiến”: 165.856 cổ phần chiếm tỷ lệ 1,70%.

3.7. Thông qua Tờ trình số 134/TTr-CN-HĐQT ngày 22/02/2023 của Hội đồng quản trị xin ý kiến cổ đông về sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát và Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

- Số cổ phần biểu quyết “đồng ý”: 31 phiếu đại diện cho 9.761.071 cổ phần, chiếm tỷ lệ 100% tổng số cổ phần biểu quyết dự họp.

- Số cổ phần biểu quyết “không đồng ý”: 0 cổ phần, chiếm tỷ lệ 0%.

- Số cổ phần biểu quyết “không ý kiến”: 0 cổ phần chiếm tỷ lệ 0%.

4. Thư ký đại hội trình bày bản dự thảo Biên bản và Nghị quyết đại hội xin ý kiến của các cổ đông.

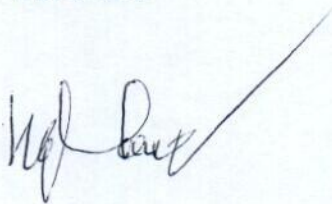
- Đại hội đã biểu quyết 100% nhất trí thông qua Biên bản và Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023.

5. Bế mạc đại hội:

Phiên họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La kết thúc vào hồi 10 giờ 30 phút cùng ngày. Các nội dung trong phiên họp được lập thành Biên bản Đại hội và được toàn thể cổ đông nhất trí thông qua. Biên bản gồm năm (05) trang, được lập thành ba (03) bản để công bố thông tin và lưu Hồ sơ văn kiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 tại Văn phòng Công ty.

Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty sẽ được lập thành văn bản và được công bố thông tin trên website của Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La (capnuocsonla.vn) theo quy định của Pháp luật.

THƯ KÝ



Nguyễn Tiên Hán

CHỦ TỌA



Nguyễn Văn Hồng

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC SƠN LA**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sơn La, ngày 17 tháng 3 năm 2023

BÁO CÁO

Hoạt động của HĐQT, kết quả SXKD năm 2022, Phương hướng nhiệm vụ SXKD năm 2023.

Kính thưa: Đại hội đồng cổ đông

Thực hiện chức năng nhiệm vụ quy định trong điều lệ tổ chức hoạt động Công ty cổ phần cấp nước Sơn La, Hội đồng quản trị xin báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của Hội đồng quản trị, tình hình thực hiện nhiệm vụ sản xuất kinh doanh Công ty năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ sản xuất kinh doanh năm 2023 như sau:

I_HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ:

1) Nhân sự:

+) Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2020 – 2025 hiện có 7 thành viên

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Nguyễn Văn Hồng	Chủ tịch HĐQT
2	Ông Bùi Văn Đính	Phó Chủ tịch HĐQT
3	Ông Nguyễn Văn Bá	Thành viên HĐQT
4	Ông Lương Thế Công	Thành viên HĐQT
5	Ông Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên HĐQT
6	Ông Lê Văn Tuấn	Thành viên HĐQT
7	Ông Nguyễn Anh Việt	Thành viên HĐQT

+) Ban Kiểm soát nhiệm kỳ 2020 – 2025 hiện có 3 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Kim Ngọc Nhiệm	Trưởng BKS (Miễn nhiệm ngày 05/3/2022)
1	Lê Thị Nha Trang	Trưởng BKS (Bổ nhiệm ngày 05/3/2022)
2	Ông Bùi Hồng Nam	Thành viên BKS
3	Ông Lê Anh Vũ	Thành viên BKS (Bổ nhiệm ngày 05/3/2022)

+) Ban điều hành (TGD, KTT) hiện có 4 thành viên:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1.	Ông Trần Quyết Chiến	Tổng Giám đốc
2.	Ông Nguyễn Văn Bá	Phó Tổng Giám đốc
3.	Ông Phạm Ngọc Dũng	Phó Tổng Giám đốc
4	Ông Bùi Thanh Tùng	Kế toán trưởng

2) Hoạt động của HĐQT năm 2022:

- **Ưu điểm:** Với vai trò đại diện cho các cổ đông, năm 2022 vừa qua Hội đồng quản trị Công ty đã rất nỗ lực làm việc để đưa ra nhiều quyết định kịp thời chỉ đạo và giám sát việc tổ chức triển khai các chủ trương, quyết định của Công ty nhằm thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.

Một hạn chế của HĐQT đã được nêu tại ĐHCĐ năm trước đó là: hoạt động đầu tư cho mục tiêu mở rộng và phát triển sản xuất chưa đạt mục tiêu như mong muốn. Một số thành viên HĐQT chưa sâu sát với thực tế sản xuất ở các đơn vị. Bước sang năm 2022 công tác này đã được HĐQT quan tâm đặc biệt và đã có những đổi mới trong việc nắm bắt thực tiễn và hoạch định kế hoạch cũng như tích cực triển khai các giải pháp thực hiện.

Năm 2022, HĐQT đã có rất nhiều hoạt động tích cực bám sát chỉ đạo mọi mặt hoạt động của Công ty. Các thành viên HĐQT đã có nhiều đợt công tác đến các đơn vị trực thuộc ở hầu hết các huyện trong toàn tỉnh để cùng giải quyết tháo gỡ khó khăn trong sản xuất cũng như khảo sát tìm kiếm các cơ hội đầu tư mở rộng địa bàn phục vụ, phát triển khách hàng để tăng sản lượng.

Cùng việc nắm bắt thực tế các địa bàn cấp nước, HĐQT đã có những chỉ đạo để Ban điều hành giải quyết tốt các công việc phát sinh trong sản xuất. Đồng thời cũng tích cực chủ động định hướng cho việc xây dựng kế hoạch đầu tư các dự án ngắn và dài hạn nhằm đảm bảo cho cấp nước an toàn và đáp ứng được các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội mà chính quyền địa phương đặt ra. Năm 2022, Công ty tiếp tục triển khai các bước để thực hiện một số dự án lớn nhất trong mấy năm gần đây như: Dự án nhà máy nước Chiềng Dong 14.000m³/ngày đêm và tuyến ống truyền tải kết nối thành phố Sơn La và huyện Mai Sơn. Hoàn thành Dự án Tuyến ống truyền tải D400mm và D225mm từ nhà máy nước Bản Mòng đến ngã tư xe khách hòa mạng trung tâm thành phố cấp nước khu vực đông nam thành phố và xã Chiềng Ngần thành phố Sơn La; Hoàn thành tuyến ống cấp nước xã Mường Và, huyện Sốp Cộp, kết nối mạng lưới cấp nước từ trung tâm huyện Sốp Cộp đến xã Mường Và.

Năm 2022, HĐQT tổ chức nhiều cuộc họp để quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền nhằm đảm bảo các hoạt động của Công ty đạt hiệu quả và đúng tiến độ. HĐQT thường xuyên đánh giá công việc và giám sát việc thực hiện của Ban Điều hành của Công ty đối với các Quyết định, Nghị quyết của HĐQT trong công tác SXKD của Công ty. Đã sâu sát trong công tác chỉ đạo sản xuất kinh doanh cũng như xây dựng kế hoạch và triển khai công tác đầu tư. Năm 2022 đã họp 16 phiên, ban hành 16 biên bản, 6 nghị quyết và 56 quyết định để thực hiện công tác quản trị.

Chủ tịch HĐQT và các thành viên được phân công đã đề cao tinh thần trách nhiệm thường xuyên, giám sát, đôn đốc và kiểm tra việc thực hiện những mục tiêu đã được HĐQT thông qua tại các cuộc họp HĐQT, các Nghị quyết đã được ban hành.

Hội đồng quản trị đã quản lý, chỉ đạo các hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, giúp doanh nghiệp ổn định sản xuất, kinh doanh hiệu quả và phát triển bền vững.

- **Hạn chế:** Một số thành viên HĐQT công tác tại Hà Nội việc tham gia công việc họp HĐQT chưa đầy đủ, chưa dành sự quan tâm thỏa đáng vì vậy một số mặt công tác quản trị chưa có sự chuyên biến rõ rệt. Số thành viên HĐQT có 7 người nhưng công việc vẫn thường tập trung vào một số người nên chưa phát huy được trí tuệ tập thể.

3) Hoạt động của Ban điều hành năm 2022:

- Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành của Công ty được thực hiện đúng theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Điều hành được thực hiện thông qua các hình thức như: tổ chức các cuộc họp do HĐQT chủ trì, tham gia các cuộc họp định kỳ do Tổng Giám đốc tổ chức, thông qua các báo cáo của Tổng Giám đốc.

Thông qua hoạt động giám sát cho thấy:

- Năm 2022, Tổng Giám đốc đã tổ chức điều hành hoạt động SXKD của Công ty đúng nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty, các quy chế quản lý nội bộ của Công ty cũng như thực hiện đầy đủ các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT. Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ việc cung cấp thông tin, tạo điều kiện cho Ban Kiểm soát tiếp cận, kiểm tra tình hình tài chính và các hoạt động khác của Công ty;

- Ban điều hành đã duy trì tốt lịch họp hằng tháng, quý để tổng kết, đánh giá rút kinh nghiệm để điều chỉnh các giải pháp quản lý và sản xuất một cách linh hoạt và đạt hiệu quả cao.

- Việc phát triển khách hàng mới tại vùng ven và thử nghiệm tiếp nhận quản lý vận hành các hệ thống cấp nước nông thôn Vân Hồ, Sốp Cộp đã bước đầu mang lại hiệu quả.

- Với những kết quả đã đạt được về phát triển khách hàng, doanh thu, lợi nhuận, quản lý tài chính cùng kết quả khắc phục tài chính, HĐQT đánh giá cao công tác điều hành của Ban điều hành trong năm 2022.

II_TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NHIỆM VỤ VÀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2022:**1) Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất:**

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2021	Năm 2022		Tỷ lệ thực hiện (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	So 2021	So KH
I	Sản lượng		0	0	-	-	-
1	Nước thương phẩm	m3	10.828.420	11.096.000	10.832.511	100,04	97,63
2	Số lượng khách hàng	hộ	57.877	59.405	59.211	102,30	99,67
3	Số khách hàng phát triển mới (LĐN)			1.528	1.334		
4	Khách hàng DV bơi lội	vé	7.365	29.000	19.660		67,79
5	Nước lọc tinh khiết	binh	107.400	110.000	107.319	99,92	97,56
II	Tỷ lệ thất thoát nước	%	11,46	11,00	12,10	105,58	110,01
III	Kết quả hoạt động kinh doanh	đồng	128.378.039.775	129.150.000.000	128.034.110.171	99,73	99,14
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp DV	đồng	125.310.469.591	126.950.000.000	125.847.368.121	100,43	99,13
2	Giá vốn hàng bán	đồng	91.289.498.448	90.902.112.000	86.564.541.253	94,82	95,23
3	Lợi nhuận gộp về BH và CCDV	đồng	34.020.971.143	36.047.888.000	39.282.826.868	115,47	108,97
4	Doanh thu hoạt động Tài chính	đồng	2.428.297.062	1.700.000.000	1.740.564.848	71,68	102,39

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2021	Năm 2022		Tỷ lệ thực hiện (%)	
				Kế hoạch	Thực hiện	So 2021	So KH
5	Chi phí Tài chính	đồng	259.133.674	1.500.000.000	160.384.392	61,89	10,69
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	đồng	17.312.779.139	18.000.000.000	19.369.668.659	111,88	107,61
7	Quỹ lương trong chi phí	đồng	34.410.166.557	32.003.504.000	34.114.935.200	99,14	106,60
8	Kinh phí hỗ trợ	đồng	2.797.344.000	2.693.328.000	2.693.328.000	96,28	100,00
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	đồng	18.877.355.392	18.247.888.000	21.493.338.665	113,86	117,79
10	Thu nhập khác	đồng	639.273.122	500.000.000	446.177.202	69,79	89,24
11	Chi phí khác	đồng	627.770.102	400.000.000	1.181	0,00	0,00
12	Lợi nhuận khác	đồng	11.503.020	100.000.000	446.176.021	3.878,77	
13	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	đồng	18.888.858.412	18.347.888.000	21.939.514.686	116,15	119,58
14	Chi phí thuế thu nhập DN hiện hành	đồng	2.009.229.990	2.200.000.000	2.259.672.623	112,46	102,71
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	16.879.628.422	16.147.888.000	19.679.842.063	116,59	121,87
15,1	Lãi, lỗ năm trước chuyển sang	"	2.586.197.753	4.666.030.625	4.666.030.625	180,42	100,00
15,2	Lợi nhuận dùng để phân phối	"	19.465.826.175	20.813.918.625	24.345.872.688	125,07	116,97
IV	Phân chia lợi nhuận (dự kiến)	đồng	19.465.826.175	20.813.918.625	24.345.872.688	125,07	116,97
1	Trích quỹ dự phòng	"	0	0	-		
2	Trích quỹ đầu tư PT	"		0			
3	Trích quỹ khen thưởng, PL	"	300.000.000	300.000.000	300.000.000	100,00	100,00
4	Tăng vốn chủ sở hữu	"					
5	Trả cổ tức	"	14.499.795.550	12.499.823.750	14.499.795.550	100,00	116,00
6	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	%	14,50	12,50	14,50	100,00	116,00
7	Lợi nhuận chuyển năm sau	"	4.666.030.625	8.014.094.875	9.546.077.138	204,59	119,12
V	Vốn điều lệ	đồng	100.000.000.000	100.000.000.000	100.000.000.000	100,00	100,00
	Cổ phiếu quỹ		1.410.000	1.410.000	1.410.000		

2) Đầu tư xây dựng cơ bản:

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Tăng/giảm
2.1	Trả nợ vay các dự án	đồng	8,150,470,288	8,138,263,349	99.85%
	Dự án cấp nước Sốp Cộp	"	456,802,747	456,802,747	100.00%
	Dự án cấp nước Yên Châu	"	397,944,382	397,944,382	100.00%
	Dự án cấp nước Mộc Châu	"	1,218,884,400	1,218,884,400	100.00%

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện 2021	Thực hiện 2022	Tăng/giảm
	Trả nợ dự án ODA Pháp ở TP	"	6,076,838,759	6,064,631,820	99.80%
2.2	Đầu tư TSCĐ	đồng	18,668,587,450	4,494,659,046	24.08%
	Đầu tư Nhà cửa, vật kiến trúc	"	3,015,408,887	1,906,002,217	63.21%
	Đầu tư máy móc thiết bị	"	9,186,339,479	976,544,193	10.63%
	Đầu tư phương tiện vận tải truyền dẫn	"	6,419,962,384	1,612,112,636	25.11%
	Đầu tư thiết bị, dụng cụ quản lý	"	46,876,700	-	0.00%

Sử dụng vốn: Năm 2022 nguồn vốn tái đầu tư được sử dụng vào các nội dung sau: Trả nợ vay các dự án 8,13 tỷ (*ODA Thành phố, Mộc châu, Yên châu và Sốp Cộp*); Đầu tư mua sắm tài sản mới gần 4,5 tỷ đồng.

+) Tình hình triển khai các dự án lớn:

- Tuyến ống cấp nước D400 chuẩn bị tiếp nhận nước sạch từ nhà máy Nậm La. Phát triển tuyến ống cấp nước vào khu vực Mường Và huyện Sốp Cộp, nâng cao chất lượng nước: Tổng kinh phí thực hiện khoảng 22 tỷ đồng (chưa tăng TSCĐ do Quý 1/2023 mới hoàn thành)
- Dự án cấp nước Chiềng Dong: Đang triển khai giải phóng mặt bằng tiến độ chậm hơn dự kiến, đồng thời hợp đồng tư vấn thực hiện thiết kế.
- Dự án Tuyến ống nước thô thay thế nguồn nước Suối Sập Yên Châu: Chưa triển khai được do vướng mắc về thủ tục xin phép thi công, công trình thi công trong phạm vi di tích quốc gia.
- Dự án Trạm tăng áp Mai Sơn: Đang hoàn thiện thủ tục cấp đất dự án.
- Dự án cấp nước Vân Hồ: Tạm thời dừng đề xuất đầu tư.
- Dự án tuyến ống nước thô Bắc Yên: Các thủ tục dự án đã hoàn thành, chờ Huyện thi công xong sẽ tiếp tục tiến hành.
- Tuyến ống nước sạch Gia Phù: Tạm dừng đề xuất thực hiện dự án

3) Công tác đầu tư ra ngoài Công ty:

Công ty CP cấp nước Sơn La đã tham gia góp vốn cổ phần đầu tư vào Công ty cổ phần SVBIC Sơn La năm 2022 bổ sung 2 tỷ đồng theo chương trình tăng vốn của chủ sở hữu. Hiệu quả đầu tư năm 2022 như sau:

Góp vốn tại SVBIC (tỷ đồng)	Năm 2021		Năm 2022	
	Mức cổ tức (%)	Tiền cổ tức (tỷ đồng)	Mức cổ tức (%)	Tiền cổ tức (tỷ đồng)
10	13	1,04	8,8	0,88

4) Công tác chăm sóc phát triển khách hàng:

Năm qua công tác quản lý và chăm sóc khách hàng đã có những chuyển biến tích cực. Công ty đã có những quy định yêu cầu cụ thể đối với nhân viên làm công việc này. Đã có chính sách quan tâm hơn đối với khách hàng, đặc biệt là những khách hàng lớn.

Tuy nhiên thời gian tới vẫn phải tiếp tục đổi mới cải tiến hơn nữa để tạo được sự hài lòng và tin tưởng từ phía khách hàng.

5) Kết quả các chỉ tiêu về tài chính :

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Tăng trưởng (%)
Tổng tài sản lưu động ngắn hạn	50.295.474.900	53.091.669.987	5.6
Tổng tài sản dài hạn	91.627.745.346	93.783.189.049	2.4
Tổng tài sản	141.923.220.246	146.874.859.036	3.5
Nợ ngắn hạn	22.119.699.514	14.523.156.703	(34.3)
Nợ dài hạn	10.174.834.579	17.542.969.667	72.4
Tổng nợ phải trả	32.294.534.003	32.066.126.370	(0.7)
Vốn chủ sở hữu	109.628.686.153	114.808.732.666	4.7
Vốn góp của chủ sở hữu (Vốn điều lệ)	100.000.000.000	100.000.000.000	0.0

6) Thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác năm 2022

Hội đồng quản trị	Chức danh	3.031.699.300
Nguyễn Văn Hồng	Chủ tịch	445.200.000
Bùi Văn Đỉnh	Phó Chủ tịch	429.600.000
Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên	385.200.000
Lương Thế Công	Thành viên	314.400.000
Nguyễn Văn Bá	Thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc	686.899.300
Nguyễn Anh Việt	Thành viên	385.200.000
Lê Văn Tuấn	Thành viên	385.200.000
Ban Tổng giám đốc	Chức danh	1.289.765.000
Trần Quyết Chiến	Tổng Giám đốc	801.975.700
Phạm Ngọc Dũng	Phó tổng Giám đốc	487.789.300
Ban kiểm soát	Chức danh	425.778.600
Lê Thị Nha Trang	Trưởng Ban kiểm soát	102.000.000
Bùi Hồng Nam	Thành viên Ban kiểm soát	72.000.000
Lê Anh Vũ	Thành viên Ban kiểm soát	251.778.600
Cộng		4.747.242.900

III_NHIỆM VỤ SXKD 2023:**1. Nhận định tình hình:**

Biến đổi khí hậu trong những năm tới vẫn còn diễn biến phức tạp, mưa lũ và hạn hán còn tiếp tục xảy ra, nguồn nước ngày càng suy giảm cả về lưu lượng và chất lượng, nhất là nguồn nước ngầm. An ninh cho nguồn nước cần phải được quan tâm nhiều hơn trước.

Ngay trong những ngày đầu năm 2023 tình trạng ô nhiễm, hạn hán, thiếu hụt nguồn nước đã diễn ra ở nhiều địa bàn trong tỉnh (Thành phố, Bắc Yên...). Nhu cầu dùng nước của người dân nội thị trong tỉnh sẽ không tăng nhiều, muốn tăng sản lượng cần phải đầu

tư mở rộng địa bàn phục vụ, cùng đó là phải bổ sung công suất các nhà máy và mạng lưới đường ống truyền tải và phân phối.

Yêu cầu của người dân cũng như quy định quản lý của nhà nước đòi hỏi chất lượng nước và chất lượng dịch vụ ngày càng cao.

Trong năm 2023 theo kế hoạch đầu tư thì Công ty sẽ tiếp tục triển khai thi công đầu tư một số DA lớn.

2. Định hướng:

- Đầu tư mở rộng phát triển sản xuất bền vững, đáp ứng đủ nhu cầu nước sạch phục vụ tốt nhu cầu dân sinh và yêu cầu phát triển kinh tế xã hội của tỉnh nhà.
- Phát huy mọi nguồn lực, đổi mới và tăng cường công tác quản lý để sản xuất kinh doanh ngày càng hiệu quả, đảm bảo hài hòa lợi ích cho người lao động và quyền lợi của các cổ đông.
- Ứng dụng các tiến bộ khoa học và công nghệ, phân đầu thực hiện các mục tiêu chương trình quốc gia về nước sạch .

3. Các chỉ tiêu kế hoạch năm 2023:

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện Năm 2022	Kế hoạch năm 2023	So TH năm 2022 (%)	Ghi chú
I	Sản lượng		-	-		
1	Nước thương phẩm	m3	10.832.511	11.055.000	102,1%	
2	Số lượng khách hàng	hộ	59.211	60.520	102,2%	
3	Số khách hàng phát triển mới (LDN)		1.334	1.309		
4	Khách hàng DV bơi lội	vé	19.660	29.000		
5	Nước lọc tinh khiết	binh	107.319	105.000	97,8%	
II	Tỷ lệ thất thoát nước	%	12,10	11,50	95,0%	
III	Kết quả hoạt động kinh doanh	đồng	128.034.110.171	130.030.000.000	101,6%	
1	Doanh thu BH và cung cấp DV	đồng	125.847.368.121	127.830.000.000	101,6%	
-	Cấp nước	"	120.553.444.176	123.030.000.000	102,1%	
-	Lắp đặt nhỏ	"	2.015.900.112	2.100.000.000	104,2%	
-	Dịch vụ bơi lội	"	411.772.727	500.000.000	121,4%	
-	Nước lọc SOWA	"	1.628.873.554	1.700.000.000	104,4%	
-	Xây dựng cơ bản	"	101.990.741		0,0%	
-	Kinh doanh vật tư	"	1.135.386.811	500.000.000	44,0%	
2	Giá vốn hàng bán	đồng	86.564.541.253	90.805.884.000	104,9%	
	Cấp nước		81.532.913.200	86.360.884.000		
	Lắp đặt nhỏ		2.003.086.216	2.000.000.000		
	Dịch vụ bơi lội		252.318.573	265.000.000		
	Nước lọc SOWA		1.606.139.484	1.680.000.000		
	Xây dựng cơ bản		90.000.000	-		
	Kinh doanh vật tư		1.080.083.780	500.000.000		
3	Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp DV	đồng	39.282.826.868	37.024.116.000	94,3%	
4	Doanh thu hoạt động Tài chính	đồng	1.740.564.848	1.700.000.000	97,7%	

TT	Diễn giải	ĐVT	Thực hiện Năm 2022	Kế hoạch năm 2023	So TH năm 2022 (%)	Ghi chú
5	Chi phí Tài chính	đồng	160.384.392	1.200.000.000	748,2%	
6	Chi phí quản lý doanh nghiệp	đồng	19.369.668.659	18.345.636.000	94,7%	
7	<i>Quỹ lương trong chi phí</i>	<i>đồng</i>	<i>34.114.935.200</i>	<i>32.444.168.000</i>	<i>95,1%</i>	
8	Kinh phí hỗ trợ	đồng	2.693.328.000	2.693.328.000	100,0%	
9	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	đồng	21.493.338.665	19.178.480.000	89,2%	
10	Thu nhập khác	đồng	446.177.202	500.000.000	112,1%	
11	Chi phí khác	đồng	1.181	400.000.000	338.696,02	
12	Lợi nhuận khác	đồng	446.176.021	100.000.000	22,4%	
13	Tổng LN kế toán trước thuế	đồng	21.939.514.686	19.278.480.000	87,9%	
	Cấp nước		19.650.862.317	18.323.480.000		
	Lắp đặt nhỏ		12.813.896	100.000.000		
	Dịch vụ bơi lội		159.454.154	235.000.000		
	Nước lọc SOWA		22.734.070	20.000.000		
	Xây dựng cơ bản		11.990.741	-		
	Kinh doanh vật tư		55.303.031	-		
	Tài chính		1.580.180.456	500.000.000		
	Lợi nhuận khác		446.176.021	100.000.000		
14	Chi phí thuế TNDN hiện hành	đồng	2.259.672.623	2.200.000.000	97,4%	
15	Lợi nhuận sau thuế TNDN	đồng	19.679.842.063	17.078.480.000	86,8%	
15,1	Lãi, lỗ năm trước chuyển sang	"	4.666.030.625	9.546.077.138	204,6%	
15,2	Lợi nhuận dùng để phân phối	"	24.345.872.688	26.624.557.138	109,4%	
IV	Phân chia lợi nhuận	đồng	24.345.872.688	26.624.557.138	109,4%	
1	Trích quỹ dự phòng	"	-	-		
2	Trích quỹ đầu tư PT	"	-	-		
3	Trích quỹ khen thưởng, PL	"	300.000.000	300.000.000	100,0%	
4	Tăng vốn chủ sở hữu	"				
5	Trả cổ tức	"	14.499.795.550	12.499.823.750	86,2%	
6	Tỷ lệ cổ tức trên vốn điều lệ	%	14,50	>= 12,50	86,2%	> hơn
7	Lợi nhuận chuyển năm sau	"	9.546.077.138	13.824.733.388	144,8%	
V	Vốn điều lệ	đồng	100.000.000.000	100.000.000.000	100,0%	
	Cổ phiếu quỹ		1.410.000	1.410.000		

4. Kế hoạch thù lao của Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát; Tiền lương của Tổng Giám đốc và người quản lý khác năm 2023

Hội đồng quản trị	Chức danh	3.011.200.000
Nguyễn Văn Hồng	Chủ tịch	480.000.000
Bùi Văn Đính	Phó Chủ tịch	405.600.000
Nguyễn Trọng Hiếu	Thành viên	420.000.000
Lương Thế Công	Thành viên	165.600.000
Nguyễn Văn Bá	Thành viên kiêm Phó Tổng giám đốc	700.000.000
Nguyễn Anh Việt	Thành viên	420.000.000

Lê Văn Tuấn	Thành viên	420.000.000
Ban Tổng giám đốc	Chức danh	1.305.000.000
Trần Quyết Chiến	Tổng Giám đốc	805.000.000
Phạm Ngọc Dũng	Phó tổng Giám đốc	500.000.000
Ban kiểm soát	Chức danh	443.000.000
Lê Thị Nha Trang	Trưởng Ban kiểm soát	108.000.000
Bùi Hồng Nam	Thành viên Ban kiểm soát	72.000.000
Lê Anh Vũ	Thành viên Ban kiểm soát	263.000.000
Cộng		4.759.200.000

5. Các nhiệm vụ trọng tâm năm 2023:

a) Đầu tư cho mở rộng phát triển sản xuất:

Khẩn trương triển khai các dự án: Dự án nhà máy nước Chiềng Dong và dự án tuyến ống nước thô kết nối từ HTC N Tà Xùa về thị trấn Bắc Yên để phát triển nguồn. Phát triển mạng để mở rộng vùng phục vụ gắn với thực hiện chỉ tiêu cung cấp nước sạch cho 100% hộ dân nội thị và vùng ven. Cải tạo và phát triển mạng lưới cấp nước nhằm đảm bảo tiếp nhận nguồn nước mới và đáp ứng tốt cho nhu cầu dùng nước của mọi đối tượng cũng là đảm bảo an ninh nguồn nước, giảm tình trạng khai thác nước ngầm và sử dụng các nguồn nước khác của người dân.

STT	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN, CÔNG VIỆC	KHÁI TOÁN	
		Cải tạo, sửa chữa	Đầu tư
1	Cải tạo, sửa chữa tuyến ống cấp nước truyền tải gang dẻo D100 khu vực dọc QL6 (từ KM 190+300 đến KM 192 +200) thị trấn Mộc Châu	2.145.000.000	
2	Cải tạo, sửa chữa mạng lưới cấp nước khu vực các ngã ba, ngã tư khu vực hành chính mới trung tâm huyện Mộc Châu	377.000.000	
3	Tư vấn lập báo cáo nghiên cứu tiền khả thi phát triển hệ thống cấp nước của Công ty tại thị trấn Mộc Châu		300.000.000
4	Lắp đặt tuyến ống cấp nước HDPE D110 vào doanh nghiệp chăn nuôi Minh Thúy, TT Hát lốt, Huyện Mai Sơn		490.000.000
5	Cải tạo, sửa chữa mạng lưới cấp nước phân phối khu ngã ba trại Ong thuộc phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	226.000.000	

STT	CÔNG TRÌNH, DỰ ÁN, CÔNG VIỆC	KHÁI TOÁN	
		Cải tạo, sửa chữa	Đầu tư
6	Lắp đặt tuyến ống truyền tải HDPE D225, D110 và tuyến ống phân phối HDPE D63 từ trạm bơm Km13 đến Cơ sở điều trị nghiệm Ma túy tinh và dân cư lân cận thuộc Xí nghiệp cấp nước TP số 2.		3.988.000.000
7	Lắp đặt tuyến ống truyền tải HDPE D225 và tuyến ống phân phối HDPE D63 tuyến đường tránh thành phố (Từ ngã 3 trại Ong đến trạm bơm Km13) thuộc Xí nghiệp cấp nước TP số 2.		4.392.000.000
8	Cải tạo, sửa chữa mạng lưới cấp nước thuộc BL24 bản Sôm Pói xã Mường Và, huyện Sốp Cộp.	230.000.000	
9	Cải tạo, sửa chữa mạng lưới cấp nước khu vực tổ 1 bản Coóng Nội, thành phố Sơn La	135.600.000	
10	Cải tạo, sửa chữa mạng lưới cấp nước tổ 3, phường Chiềng Cơi, thành phố Sơn La	490.000.000	
11	Khảo sát, lập báo cáo đầu tư xây dựng dự án: Xây dựng trụ sở và các công trình khác phục vụ sản xuất, kinh doanh nước sinh hoạt của công ty tại thành phố Sơn La		300.000.000
12	Cải tạo, sửa chữa mạng lưới cấp nước khu đô thị Hoàng Long, phường Chiềng Sinh, thành phố Sơn La	245.000.000	
13	Cải tạo, sửa chữa mạng lưới cấp nước khu vực Pá Công Huổi Một, Nà Nghịu huyện Sông Mã, tỉnh Sơn La	490.000.000	
14	Bổ sung một bình lọc áp lực công suất 35m3/h, trạm cấp nước Sông Mã, chi nhánh cấp nước Sông Mã		550.000.000
15	Dự án cấp nước Chiềng Dong (tạm tính khối lượng giải ngân)		20.000.000.000
16	Dự án tuyến ống nước thô từ Tà Xùa về TXL Phiêng Ban (Bắc Yên)		13.000.000.000
TỔNG HỢP:		4.338.600.000	43.020.000.000
			47.358.600.000

b) Tập trung các giải pháp để tăng sản lượng nước:

- Tăng cường công tác quản lý khách hàng, kiểm soát, phân loại chi tiết từng đối tượng để tìm ra nguyên nhân giảm sản lượng cũng như đưa ra các giải pháp xử lý phù hợp.
- Phát triển khách hàng, mở rộng địa bàn cấp nước ra các vùng ven đô thị.

- Cân nhắc phương án thỏa thuận giá nước sạch theo cơ chế linh hoạt với các khách hàng lớn, mua bán nước sạch theo nguyên tắc giá nước giảm tương ứng với lượng nước sử dụng tăng.

- Đề nghị tinh sớm giao nhiệm vụ để các cơ quan quản lý và chính quyền địa phương triển khai thực hiện Nghị định 167/2018/NĐ-CP của Chính phủ về Quy định hạn chế khai thác nước dưới đất nhằm hạn chế tiến tới chấm dứt tình trạng khoan giếng.

c) Công tác phát triển khách hàng và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước:

- Tiếp tục cải tiến hệ thống quản lý, vận hành và tái cấu trúc hợp lý hóa mạng lưới cấp nước. Nâng cao chất lượng sản phẩm, cải thiện lưu lượng, áp lực nước, kéo dài thời gian cấp nước liên tục (*Phấn đấu mục tiêu cấp nước 24h/ngày*).

- Ứng dụng công nghệ thông tin và đào tạo trang bị kiến thức và kỹ năng chăm sóc khách hàng cho cán bộ công nhân để cải thiện nâng cao chất lượng dịch vụ khách hàng.

- Xây dựng quy trình chăm sóc khách hàng và chính sách ưu đãi khuyến khích các khách hàng lớn. Tích cực tìm kiếm để tiếp cận khai thác các khách hàng tiềm năng.

d) Công tác quản lý chất lượng nước và cấp nước an toàn:

- Thực hiện kế hoạch cấp nước an toàn đã được Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Chủ động sẵn sàng ứng phó với biến đổi khí hậu, ô nhiễm nguồn nước. Đảm bảo cấp nước an toàn, thực hiện nghiêm túc các giải pháp kiểm soát, phòng ngừa, khắc phục rủi ro như quy trình đã đề ra.

- Triển khai kiểm soát chất lượng theo Quy chuẩn chất lượng nước sạch địa phương do UBND tỉnh ban hành.

- Triển khai thực hiện đề nghị phê duyệt theo lộ trình giấy phép môi trường thành phần.

- Đề nghị UBND tỉnh giao nhiệm vụ cho các ngành và địa phương tập trung giải quyết các vấn đề: Triển khai hoàn thiện việc khoanh định vùng hạn chế khai thác nước dưới đất.

e) Công tác tài chính: Tăng cường công tác quản lý kiểm tra, giám sát tài chính đối với việc sử dụng các loại chi phí và giá thành sản phẩm của doanh nghiệp.

- Kiểm soát tốt dòng tiền: Lập kế hoạch, giám sát và kiểm soát dòng tiền, quản lý chi tiết những khoản phải chi, nhằm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm.

- Cung cấp các thông tin cần thiết để giúp lãnh đạo công ty điều hành hoạt động SX và có các quyết định kinh doanh hợp lý.

- Xây dựng được các khoản dự toán ngân sách cho các mục tiêu hoạt động, đặc biệt là hoạt động đầu tư các dự án phát triển.

- Huy động và sử dụng các nguồn vốn hợp lý, không cho phép mất cân đối tài chính.

f) Tiếp tục sửa đổi hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ:

- Thường xuyên chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Thực hiện tốt quy chế dân chủ cơ sở, tạo môi trường làm việc tốt, động viên khuyến khích CBCNV phát huy năng lực bản thân hoàn thành tốt công việc được giao, đóng góp vào sự phát triển chung của Công ty.

- Tiếp tục rà soát lại các định mức lao động, đơn giá khoán, áp dụng phù hợp với từng thời điểm và điều kiện sản xuất của từng đơn vị để đảm bảo bình đẳng và khuyến khích người lao động gắn bó với công ty và nâng cao hiệu quả làm việc.

- Cải tiến quy chế tiền lương, tiền thưởng cho người lao động căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh hằng năm và mức độ hoàn thành công việc của người lao động nhưng phải gắn với các tiêu chí cụ thể đối với từng đơn vị, từng bộ phận trong doanh nghiệp.
- Sửa đổi hoàn thiện các quy chế quản lý nội bộ giúp công tác quản lý điều hành công ty dễ dàng, tuân thủ luật pháp và điều lệ Công ty. Qua đó mỗi cá nhân và tập thể từ bộ máy quản trị điều hành tới người lao động trong doanh nghiệp đều có thể ý thức được trách nhiệm, nghĩa vụ cũng như quyền lợi của mình khi thực thi nhiệm vụ.

Trên đây là Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị và tình hình thực hiện nhiệm vụ SXKD của Công ty năm 2022 và phương hướng nhiệm vụ năm 2023. Rất mong nhận được ý kiến đóng góp của các quý vị cổ đông.

Trân trọng cảm ơn ./.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Nguyễn Văn Hồng

Sơn La, ngày 17 tháng 03 năm 2023

**BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG
CỦA BAN KIỂM SOÁT TẠI ĐẠI HỘI ĐỒNG
CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN NĂM 2023**

Kính thưa: Quý vị Đại biểu
Quý vị cổ đông Công ty CP cấp nước Sơn La
Và Toàn thể đại hội

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và điều lệ Công ty CP cấp nước Sơn La;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ tài chính hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ hướng dẫn Luật Chứng khoán;
- Căn cứ chức năng, nhiệm vụ của Ban kiểm soát quy định tại điều lệ Công ty;
- Căn cứ vào tình hình SXKD năm 2022 của Công ty CP cấp nước Sơn La;

Ban Kiểm soát báo cáo Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2022 và một số kiến nghị với những nội dung chính như sau:

I. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính năm 2022

1. Tài sản – Nguồn vốn:

Đơn vị tính: VNĐ

Chỉ tiêu	Đầu năm 2022	Cuối năm 2022
Tài Sản - Nguồn vốn	141.923.220.246	146.874.859.036
Vốn chủ sở hữu	109.628.686.153	114.808.732.666

2. Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022:

2.1. Sản lượng:

- Sản lượng năm 2022 đạt 10.832.511 m³ hoàn thành 97.6% so với kế hoạch đề ra
- Công ty đã cố gắng khắc phục những khó khăn về tình hình thời tiết, địa hình, thiếu nguồn nước để phấn đấu thực hiện kế hoạch đề ra.

2.2. Doanh thu:

- Doanh thu cấp nước: 120,553 tỷ đồng;
- Doanh thu khác: 5,294 tỷ đồng;
- Tổng doanh thu: 125,847 tỷ đồng;

2.3. Lợi nhuận sau thuế:

Lợi nhuận sau thuế năm 2022 là: 19.679.842.063 đồng

3. Hoạt động đầu tư:

- Nguồn vốn tái đầu tư hình thành từ trích khấu hao TSCĐ dùng để trả nợ gốc tiền vay dự án ODA Pháp của thành phố và các dự án của Yên Châu, Mộc Châu, Sốp Cộp.

- Ngoài ra năm 2022 Công ty tiếp tục đầu tư xây dựng và sửa chữa nhiều tuyến ống và các công trình khác với tổng mức: 13.965 tỷ đồng. Ví dụ
 - + Tuyến D400 từ Bản Mòng đến ngã ba Mé Ban là: 11,185 tỷ đồng
 - + Tuyến D400,225 Đông Nam TP, Chiềng Ngần: 1.625 tỷ đồng
- 4. **Tài chính kế toán:**
 Công tác tài chính kế toán đã cơ bản đáp ứng được yêu cầu sản xuất kinh doanh, phản ánh đầy đủ kết quả hoạt động trong năm tài chính về doanh thu, chi phí, các khoản phải nộp ngân sách NN, phải thu, phải trả,... của công ty.
- 5. **Đánh giá chung tình hình tài chính:**
 Năm qua, Hội đồng quản trị (HĐQT) và ban điều hành (BDH) đã bám sát Nghị quyết của ĐHĐCĐ để lãnh đạo và điều hành doanh nghiệp đạt kết quả tốt;
 - Tình hình tài chính ổn định;
 - Chấp hành tốt nghĩa vụ với nhà nước (nộp thuế, phí đầy đủ đúng theo quy định NN);
 - Tăng tiền lương, thưởng và thu nhập cho người lao động;
 - Đảm bảo hài hòa giữa việc trả cổ tức cho cổ đông và nguồn vốn cho đầu tư phát triển.

II. Kết quả giám sát đối với HĐQT, Tổng giám đốc và BDH.

1. Hoạt động của HĐQT:

- Năm 2022, HĐQT có 7 thành viên;
- Các cuộc họp của HĐQT: diễn ra theo đúng điều lệ Công ty mỗi quý một lần. Ngoài ra, HĐQT còn tổ chức nhiều cuộc họp khác để giải quyết các công việc phát sinh.
- Hoạt động của HĐQT: HĐQT đã lãnh đạo, điều hành các hoạt động của Công ty đảm bảo tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, Nghị quyết đại hội đồng cổ đông. Giúp Công ty ổn định sản xuất và kinh doanh có hiệu quả.

2. Hoạt động của Ban điều hành:

- Năm 2022, Ban điều hành Công ty có 4 thành viên, gồm có: Tổng giám đốc, 02 Phó tổng giám đốc và Kế toán trưởng;
- Kết quả thực hiện của Ban điều hành năm 2022: Ban điều hành đã chấp hành và tổ chức tốt các Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Nghị quyết và Quyết định của HĐQT. Thực hiện đúng các quy định của pháp luật, điều lệ và quy chế nội bộ của Công ty.

III. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS với HĐQT, BDH và các cổ đông

- Trong quá trình hoạt động, Ban kiểm soát đã phối hợp với các thành viên hội đồng quản trị, Ban điều hành để thực hiện tốt nhiệm vụ của mình, trong nhiệm kỳ không có khiếu nại của các cổ đông.
- Ban kiểm soát đã tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và đảm bảo thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ, tuân thủ pháp luật và quyền lợi cổ đông.

IV. Tình hình hoạt động của Ban kiểm soát .

1. Thành viên Ban kiểm soát:

Ban Kiểm soát có 3 thành viên.

2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cho từng thành viên triển khai kiểm soát các mặt hoạt động của Công ty với những nội dung sau:

2.1 Kiểm soát Tài chính:

- Giám sát ban điều hành trong việc thực hiện công tác tài chính kế toán, kiểm tra giám sát các báo cáo tài chính quý và năm. Đảm bảo tính chính xác, trung thực trong việc ghi chép, hạch toán, cập nhật chứng từ, sổ sách kế toán;
- Kiểm tra các hợp đồng kinh tế, hợp đồng lao động,...;
- Kiểm tra doanh thu, chi phí, việc sử dụng vốn đầu tư tại các dự án;
- Thẩm định báo cáo tài chính trên cơ sở được kiểm toán bởi Công ty kiểm toán độc lập;
- Giám sát việc công bố thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật; Xem xét tính minh bạch của quá trình công bố thông tin để đảm bảo quyền lợi của cổ đông;
- Kiểm tra tình hình sản xuất kinh doanh và tài chính của một số đơn vị cơ sở.

2.2 Kiểm soát hoạt động:

- Kiểm soát hoạt động của HĐQT, Ban điều hành;
- Đối với HĐQT: Chủ tịch và các thành viên HĐQT là những người có trình độ học vấn, chuyên môn, am hiểu ngành nước và nhiều lĩnh vực. Đưa ra các quyết định đúng, kịp thời, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật.
- Đối với Ban điều hành: Tổng giám đốc và các thành viên ban điều hành là những người có trình độ, am hiểu ngành nước. Đã tổ chức thực hiện tốt Nghị quyết của ĐHĐCĐ, các Nghị quyết và Quyết định của HĐQT; Tham mưu cho HĐQT về việc rà soát, sửa đổi bổ sung các quy chế nội bộ phù hợp với điều kiện thực tế, thúc đẩy SXKD; Thực hiện tốt các tác điều hành, SXKD ổn định và hiệu quả.
- Ban kiểm soát tham giá ý kiến đóng góp vào những nội dung về SXKD, đầu tư, sửa chữa và một số công việc khác của Công ty;
- Đề xuất với HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán BCTC giữa niên độ và BCTC năm đạt kết quả;
- Ban kiểm soát hợp hàng quý theo đúng quy chế;
- Ban kiểm soát luôn nhận được sự quan tâm, tạo điều kiện thuận lợi từ HĐQT, BĐH và các cán bộ quản lý trong Công ty, giúp cho Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ được Đại hội đồng cổ đông giao;
- Trong năm, BKS không nhận được một khiếu nại nào của cổ đông về hoạt động của Công ty, về chỉ đạo điều hành của HĐQT và Ban điều hành.

2.3 Kiểm soát tuân thủ:

- Theo từng lĩnh vực, Công ty đã ban hành các quy chế quản lý nội bộ phù hợp với quy định của pháp luật và điều kiện thực tế tại doanh nghiệp;
- HĐQT, Ban điều hành cùng toàn thể người lao động trong Công ty thực hiện tốt các quy chế nội bộ đã ban hành;
- Cơ chế quản lý nội bộ của Công ty khá hoàn chỉnh, giúp công tác quản lý sản xuất có nề nếp, minh bạch và hiệu quả;
- Đánh giá về hệ thống quy chế doanh nghiệp:
Đa số quy chế vẫn còn phù hợp với quy định của pháp luật, điều kiện thực tế và vẫn tiếp tục áp dụng;
Tuy nhiên một số quy chế cần phải sửa đổi bổ sung, do: Có những quy chế đã ban hành từ khá lâu, quy định của pháp luật đã được sửa đổi; Một số quy chế, quy định còn mâu thuẫn nhau; hoặc có quy chế cần sửa đổi cho phù hợp với thực tế để khuyến khích sản xuất;
- Đề xuất: Kiến nghị HĐQT tiếp tục rà soát lại các quy chế, quy định hiện hành của doanh nghiệp để sửa đổi, bổ sung kịp thời.
- BKS đã tham gia sửa đổi bổ sung điều lệ, quy chế BKS theo đúng quy định của pháp luật.

V. Kế hoạch hoạt động năm 2023 và các kết luận, kiến nghị của BKS

1. Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban kiểm soát:

1.1 Kiểm soát tài chính:

- Đề xuất với HĐQT về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập kiểm toán BCTC hàng năm ;
- Phối hợp với đơn vị kiểm toán độc lập, kiểm soát BCTC giữa niên độ và BCTC năm để trình HĐQT và Đại hội cổ đông;
- Hàng năm tổ chức các cuộc kiểm tra các đơn vị trực thuộc về: Tình hình SXKD, Tài chính, việc thực hiện các quy chế nội bộ,....;

1.2 Kiểm soát hoạt động:

- Giám sát hoạt động của HĐQT, BDH về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ

1.3 Kiểm soát tuân thủ:

- Giám sát việc sửa đổi, bổ sung các quy chế, quy định của Công ty;
- Giám sát việc thực hiện các quy định của pháp luật và quy chế nội bộ;

2. Kiến nghị của Ban kiểm soát:

- Xây dựng kế hoạch dài hạn, ngắn hạn về sản xuất kinh doanh, về đầu tư ... và các giải pháp thực hiện;
- Nâng cao công tác quản trị và điều hành để phát huy năng lực của đội ngũ cán bộ từ văn phòng tới các đơn vị trực thuộc. Phân đấu hoàn thành và vượt các chỉ tiêu kế hoạch của ĐHĐCĐ giao, đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa cho Công ty và các Cổ đông;
- Các dự án đầu tư: Phân tích hiệu quả đầu tư, thu hồi vốn; Tập trung nguồn lực để triển khai dự án có hiệu quả;
- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể, tạo sự đồng thuận trong việc thực hiện các quy chế nội bộ, quy chế dân chủ cơ sở; chăm lo đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động;
- Tiếp tục thực hiện tốt chương trình chống thất thoát, duy trì và nâng cao chất lượng dịch vụ cấp nước;

Trên đây là báo cáo của Ban kiểm soát năm 2022 và kế hoạch năm 2023, kính trình ĐHĐCĐ thông qua./.

BAN KIỂM SOÁT

Trưởng ban

Thành viên

Thành viên



Lê Thị Nha Trang

Lê Anh Vũ

Bùi Hồng Nam

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC SƠN LA**

Số: 131 /TTr-CN-BKS

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sơn La, ngày 20 tháng 02 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán cho báo cáo tài chính năm 2023

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cấp nước Sơn La.

Thực hiện các nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La và các quy định của pháp luật, Ban Kiểm soát kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc lựa chọn công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2023 như sau:

1. Tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập

- Là công ty kiểm toán có uy tín về chất lượng kiểm toán, đủ điều kiện kiểm toán đối với các công ty đại chúng tại Việt Nam;
- Đội ngũ kiểm toán viên có trình độ cao và nhiều kinh nghiệm;
- Đáp ứng được yêu cầu của Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La về phạm vi và tiến độ kiểm toán;
- Có mức phí kiểm toán hợp lý phù hợp với chất lượng kiểm toán.

2. Đề xuất của Ban kiểm soát

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tiêu chí lựa chọn công ty kiểm toán độc lập nêu trên.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua việc ủy quyền cho Hội đồng quản trị chủ động lựa chọn đơn vị kiểm toán cho năm tài chính 2023 phù hợp với tiêu chí nêu trên, đảm bảo chất lượng, hiệu quả với chi phí hợp lý và theo đúng quy định của pháp luật.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VT, BKS.

**TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**



Lê Thị Nha Trang

TỜ TRÌNH

V/v: Phân phối lợi nhuận năm 2022

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cấp nước Sơn La;
- Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán của Công ty năm 2022;
- Căn cứ Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐQT ngày 30/01/2023 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La.

Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 về Phương án phân phối lợi nhuận năm 2022 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Tỷ lệ %	Năm 2022 (đồng)
1	Vốn điều lệ Công ty		100.000.000.000
2	Lợi nhuận năm 2021 chuyển sang		4.666.030.625
3	Lợi nhuận sau thuế năm 2022		19.679.842.063
4	Lợi nhuận dùng để phân phối	100	24.345.872.688
5	Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi		300.000.000
6	Chia cổ tức (14,5 % vốn điều lệ)		14.499.795.550
6.1	Đã tạm ứng đợt 1		9.999.859.000
6.2	Còn lại thanh toán đợt 2		4.499.936.550
7	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/CP)		1.450
8	Lợi nhuận còn lại chuyển sang năm 2023		9.546.077.138

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



TỜ TRÌNH

V/v: **Phê duyệt Tổng mức thù lao thành viên Hội đồng quản trị,
Ban kiểm soát và Thư ký thực hiện năm 2022; Kế hoạch năm 2023**

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cấp nước Sơn La ;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La;
- Căn cứ Báo cáo Tài chính kiểm toán của Công ty năm 2022;
- Căn cứ Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐQT ngày 30/01/2023 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La.

Căn cứ kết quả sản xuất kinh doanh năm 2022, kế hoạch kinh doanh năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La; Căn cứ yêu cầu về quản trị, giám sát điều hành trong năm 2023, Hội đồng quản trị báo cáo Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện chi thù lao cho thành viên HĐQT và BKS năm 2022 và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch năm 2023 đối với các thành viên như sau:

1. Thực hiện năm 2022

TT	Nội dung	Kế hoạch 2022 Đồng/tháng	Thực hiện 2022 Đồng/tháng
	Thù lao HĐQT, Thư ký	101.556.000	102.667.000
	Thù lao BKS	23.333.000	21.666.333
	Thưởng HĐQT và BKS	-	20.555.583
	Cộng	124.889.000	144.888.917

2. Kế hoạch năm 2023

TT	Nội dung	Thực hiện 2022 Đồng/tháng	Kế hoạch 2023 Đồng/tháng
1	Thù lao HĐQT, Thư ký	102.667.000	103.778.000
2	Thù lao BKS	21.666.333	23.333.000

3	Bổ sung thưởng HĐQT và BKS	20.555.583	-
	Cộng	144.888.917	127.111.000

Thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký thực hiện trong năm 2023 sẽ giao cho Chủ tịch HĐQT quyết định phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và hiệu quả hoạt động.

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyen Van Hong

Handwritten mark

**CÔNG TY CỔ PHẦN
CẤP NƯỚC SƠN LA**

Số: 134/TTr-CN-HĐQT

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Sơn La, ngày 22 tháng 02 năm 2023

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Quy chế nội bộ về quản trị công ty

Kính trình: Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty CP Cấp nước Sơn La;
- Căn cứ Nghị quyết số 17/2023/NQ-HĐQT ngày 30/01/2023 của Hội đồng quản trị về việc tổ chức họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2023 của Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La.

Để phù hợp với các quy định của Luật Doanh nghiệp năm 2020, Luật Chứng khoán năm 2019 và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 dự thảo phương án sửa đổi các quy chế: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cụ thể như sau:

1. Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị
Dự thảo Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị gồm 07 Chương, 26 Điều.
(Có dự thảo kèm theo)
2. Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát
Dự thảo Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát gồm 07 Chương, 25 Điều.
(Có dự thảo kèm theo)
3. Quy chế nội bộ về quản trị công ty
Dự thảo Quy chế nội bộ về quản trị công ty gồm 9 Điều
(Có dự thảo kèm theo)

Trân trọng kính trình.

Nơi nhận:

- Đại hội đồng cổ đông;
- Các thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VT, HĐQT.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Văn Hồng

(Dự thảo)

Sơn La, ngày 17 tháng 03 năm 2023

QUY CHẾ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;
Căn cứ Điều lệ công ty cổ phần Công ty cổ phần cấp nước Sơn La;
Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày...tháng...năm...
Hội đồng quản trị ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Sơn La bao gồm các nội dung sau:

Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, nguyên tắc hoạt động, quyền hạn, nghĩa vụ của Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị nhằm hoạt động theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho Hội đồng quản trị, các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị làm việc theo nguyên tắc tập thể và quyết định theo đa số (thông qua với tỷ lệ tối thiểu 65% tổng số thành viên tham dự họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản) đối với các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị phù hợp với các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty. Các thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị đối với sự phát triển của Công ty.

2. Các thành viên Hội đồng quản trị được quyền tự do thảo luận và đưa ra các ý kiến của mình tại cuộc họp của Hội đồng quản trị nhưng phải chấp hành

các quyết định của Hội đồng quản trị khi đã được Hội đồng quản trị thông qua. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền bảo lưu ý kiến bằng cách yêu cầu Thư ký Công ty ghi lại ý kiến bảo lưu của mình vào biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc trong phiếu lấy ý kiến bằng văn bản. Thành viên của Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm trước pháp luật và Đại hội đồng cổ đông về các ý kiến của mình.

3. Hội đồng quản trị sử dụng bộ máy điều hành, các nguồn lực và con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ của mình.

4. Hội đồng quản trị giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị.

Chương II

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 3. Quyền và nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật Chứng khoán, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của các đơn vị trong Công ty.

2. Thành viên Hội đồng quản trị có nghĩa vụ theo quy định tại Điều lệ công ty và các nghĩa vụ sau:

a) Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của Công ty;

b) Tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị và có ý kiến về các vấn đề được đưa ra thảo luận;

c) Báo cáo kịp thời, đầy đủ với Hội đồng quản trị các khoản thù lao nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác;

d) Báo cáo Hội đồng quản trị tại cuộc họp gần nhất các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch;

đ) Thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của Công ty theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Quyền được cung cấp thông tin của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong Công ty cung cấp thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của Công ty và của đơn vị trong Công ty.

2. Người quản lý được yêu cầu phải cung cấp kịp thời, đầy đủ và chính xác thông tin, tài liệu theo yêu cầu của thành viên Hội đồng quản trị. Trình tự, thủ tục yêu cầu và cung cấp thông tin do Điều lệ công ty quy định.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có 07 thành viên. Điều lệ công ty quy định cụ thể số lượng thành viên Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ mất tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a) Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

c) Có đơn từ chức;

d) Thành viên Hội đồng quản trị là cổ đông, nhưng sau đó đã chuyển nhượng hết cổ phần của mình cho người khác;

e) Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện ủy quyền của cổ đông nhưng đã bị rút ủy quyền đại diện hoặc cổ đông được đại diện đó đã chuyển nhượng hết cổ phần cho người khác

3. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Luật Doanh nghiệp;

b) Phải là cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần của Công ty trở lên hoặc là người đại diện ủy quyền của cổ đông quản lý từ 05% tổng số cổ phần của Công ty trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng;

c) Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh, hiểu biết pháp luật hoặc trong lĩnh vực, ngành, nghề kinh doanh của Công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác;

d) Thành viên Hội đồng quản trị Công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác;

đ) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo Điều lệ công ty.

Điều 7. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty không được kiêm Tổng Giám đốc.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;

b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;

c) Tổ chức việc thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị;

đ) Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;

e) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị bãi miễn. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng quản trị chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng quản trị.

5. Khi xét thấy cần thiết, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm thư ký công ty. Thư ký công ty có quyền và nghĩa vụ sau đây:

a) Hỗ trợ tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; ghi chép các biên bản họp;

b) Hỗ trợ thành viên Hội đồng quản trị trong việc thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao;

c) Hỗ trợ Hội đồng quản trị trong áp dụng và thực hiện nguyên tắc quản trị công ty;

d) Hỗ trợ Công ty trong xây dựng quan hệ cổ đông và bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cổ đông; việc tuân thủ nghĩa vụ cung cấp thông tin, công khai hóa thông tin và thủ tục hành chính;

đ) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 8. Miễn nhiệm, bãi nhiệm, thay thế và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 155 Luật Doanh nghiệp;

b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;

c) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

b) Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.

3. Khi xét thấy cần thiết, Đại hội đồng cổ đông quyết định thay thế thành viên Hội đồng quản trị; miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị ngoài trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

4. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

a) Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba;

b) Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 137 Luật doanh nghiệp;

c) Trừ trường hợp quy định tại điểm a và điểm b khoản này, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm tại cuộc họp gần nhất.

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên. Việc đề cử người vào Hội đồng quản trị thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông họp thành nhóm để đề cử người vào Hội đồng quản trị phải thông báo về việc họp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Hội đồng quản trị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Hội đồng quản trị. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị và các cổ đông khác đề cử.

2. Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị. Việc Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật.

3. Trường hợp Điều lệ công ty không quy định khác, việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân

với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

4. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định theo nguyên tắc bỏ phiếu.

Điều 10. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác (bao gồm cả chức danh Hội đồng quản trị của công ty khác);
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty đại chúng phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác và các lợi ích có liên quan tới công ty của ứng cử viên Hội đồng quản trị (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:

- a) Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh

doanh hằng năm của Công ty; Phê duyệt kế hoạch đầu tư, sửa chữa hàng năm do Tổng Giám đốc trình;

b) Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c) Ký hợp đồng lao động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Người điều hành doanh nghiệp và quyết định mức lương của họ;

d) Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh trưởng phòng của công ty, Giám đốc các xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc công ty và các chức danh tương đương; thông qua các chức danh phó trưởng phòng của công ty, phó Giám đốc các xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc công ty và các chức danh tương đương trước khi Tổng Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm;

e) Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc;

f) Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan đến các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;

g) Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;

h) Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty;

i) Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;

j) Đề xuất tổng mức thù lao và quyền lợi của Hội đồng quản trị, mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn, thủ tục trả cổ tức;

k) Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;

l) Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;

m) Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;

n) Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;

o) Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;

p) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;

q) Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

r) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

s) Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

t) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng

khoản, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- a) Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
- b) Thành lập các công ty con của Công ty;
- c) Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
- d) Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
- e) Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
- g) Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
- h) Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
- i) Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
- k) Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
- l) Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
- m) Các vấn đề kinh doanh khác hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

4. Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết, quyết định bằng biểu quyết tại cuộc họp, lấy ý kiến bằng văn bản hoặc hình thức khác do Điều lệ công ty quy định. Mỗi thành viên Hội đồng quản trị có một phiếu biểu quyết.

5. Trường hợp nghị quyết, quyết định do Hội đồng quản trị thông qua trái với quy định của pháp luật, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Điều lệ công ty gây thiệt hại cho Công ty thì các thành viên tán thành thông qua nghị quyết, quyết định đó phải cùng liên đới chịu trách nhiệm cá nhân về nghị quyết, quyết định đó và phải đền bù thiệt hại cho Công ty; thành viên phản đối thông qua nghị quyết, quyết định nói trên được miễn trừ trách nhiệm. Trường hợp này, cổ đông của Công ty có quyền yêu cầu Tòa án đình chỉ thực hiện hoặc hủy bỏ nghị quyết, quyết định nói trên.

Điều 12. Nhiệm vụ và quyền hạn của Hội đồng quản trị trong việc phê duyệt, ký kết hợp đồng giao dịch

1. Hội đồng quản trị chấp thuận các hợp đồng, giao dịch có giá trị nhỏ hơn 35% hoặc giao dịch dẫn đến tổng giá trị giao dịch phát sinh trong vòng 12 tháng kể từ ngày thực hiện giao dịch đầu tiên có giá trị nhỏ hơn 35% tổng giá trị tài sản ghi trên báo cáo tài chính gần nhất hoặc một tỷ lệ, giá trị khác nhỏ hơn theo quy định tại Điều lệ công ty giữa Công ty với một trong các đối tượng sau:

- Thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc, người quản lý khác và người có liên quan của các đối tượng này;
- Cổ đông, người đại diện ủy quyền của cổ đông sở hữu trên 10% tổng vốn

cổ phần phổ thông của Công ty và những người có liên quan của họ;

- Doanh nghiệp có liên quan đến các đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

2. Người đại diện Công ty ký hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát về các đối tượng có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó và gửi kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch. Hội đồng quản trị quyết định việc chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định một thời hạn khác; thành viên Hội đồng quản trị có lợi ích liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không có quyền biểu quyết.

Điều 13. Trách nhiệm của Hội đồng quản trị trong việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

1. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a) Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật;

c) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 của Luật Doanh nghiệp; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

d) Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

đ) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a) Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định khác, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày số lượng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên độc lập Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban Kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ công ty hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này;

b) Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;

c) Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền yêu cầu đại diện Công ty triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Luật Doanh nghiệp;

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có thể đề nghị Cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

d) Thủ tục để tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

3. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:

- a) Lập danh sách cổ đông có quyền dự họp;
- b) Cung cấp thông tin và giải quyết khiếu nại liên quan đến danh sách cổ đông;
- c) Lập chương trình và nội dung cuộc họp;
- d) Chuẩn bị tài liệu cho cuộc họp;
- đ) Dự thảo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp; danh sách và thông tin chi tiết của các ứng cử viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- e) Xác định thời gian và địa điểm họp;
- g) Gửi thông báo mời họp đến từng cổ đông có quyền dự họp theo quy định Luật doanh nghiệp;
- h) Các công việc khác phục vụ cuộc họp.

Điều 14. Các tiểu ban giúp việc Hội đồng quản trị.

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định có tối thiểu là 03 người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

Chương IV CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 15. Cuộc họp Hội đồng quản trị

1. Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn 01 người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị phải họp ít nhất mỗi quý 01 lần và có thể họp bất thường.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:

- a) Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;

b) Có đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng giám đốc hoặc ít nhất 05 người quản lý khác;

c) Có đề nghị của ít nhất 02 thành viên Hội đồng quản trị;

d) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

4. Đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị.

5. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

6. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp Hội đồng quản trị phải gửi thông báo mời họp chậm nhất là 05 ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban Kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị.

Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ 3/4 tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;

b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 11 Điều này;

c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;

d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;

đ) Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác theo quy định trong Điều lệ công ty.

10. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì dán kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất là 01 giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được

mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

11. Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

12. Trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tỷ lệ khác cao hơn, nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp tán thành; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Điều 17. Biên bản họp Hội đồng quản trị

1. Các cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:

- a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b) Thời gian, địa điểm họp;
- c) Mục đích, chương trình và nội dung họp;
- d) Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
- đ) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- e) Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
- g) Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
- h) Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;
- i) Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này.

2. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp nhưng nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ, e, g và h khoản 1 Điều này thì biên bản này có hiệu lực.

3. Chủ tọa, người ghi biên bản và những người ký tên trong biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp Hội đồng quản trị.

4. Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

5. Biên bản lập bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

Chương V

BÁO CÁO, CÔNG KHAI CÁC LỢI ÍCH

Điều 18. Trình báo cáo hằng năm

1. Kết thúc năm tài chính, Hội đồng quản trị phải trình Đại hội đồng cổ đông báo cáo sau đây:

- a) Báo cáo kết quả kinh doanh của Công ty;
- b) Báo cáo tài chính;

- c) Báo cáo đánh giá công tác quản lý, điều hành Công ty;
- d) Báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát.

2. Báo cáo quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này phải được gửi đến Ban kiểm soát để thẩm định chậm nhất là 30 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không có quy định khác.

3. Báo cáo quy định tại các khoản 1, 2 Điều này, báo cáo thẩm định của Ban kiểm soát và báo cáo kiểm toán phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty chậm nhất là 10 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên nếu Điều lệ công ty không quy định thời hạn khác dài hơn. Cổ đông sở hữu cổ phần của Công ty liên tục ít nhất 01 năm có quyền tự mình hoặc cùng với luật sư, kế toán viên, kiểm toán viên có chứng chỉ hành nghề trực tiếp xem xét báo cáo quy định tại Điều này.

Điều 19. Thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.

2. Thành viên Hội đồng quản trị được hưởng thù lao công việc và thưởng. Thù lao công việc được tính theo số ngày công cần thiết hoàn thành nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị và mức thù lao mỗi ngày. Hội đồng quản trị dự tính mức thù lao cho từng thành viên theo nguyên tắc nhất trí. Tổng mức thù lao và thưởng của Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định tại cuộc họp thường niên.

3. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

4. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

5. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 20. Công khai các lợi ích liên quan

Trường hợp Điều lệ công ty không có quy định khác chặt chẽ hơn, việc công khai lợi ích và người có liên quan của Công ty thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Hội đồng quản trị của Công ty phải kê khai cho công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Hội đồng quản trị nhân danh cá nhân hoặc nhân danh người khác để thực hiện công việc dưới mọi hình thức trong phạm vi công việc kinh doanh của Công ty đều phải giải trình bản chất, nội dung của công việc đó trước Hội đồng quản trị và chỉ được thực hiện khi được đa số thành viên còn lại của Hội đồng quản trị chấp thuận; nếu thực hiện mà không khai báo hoặc không được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị thì tất cả thu nhập có được từ hoạt động đó thuộc về Công ty.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 21. Mối quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị

1. Quan hệ giữa các thành viên Hội đồng quản trị là quan hệ phối hợp, các thành viên Hội đồng quản trị có trách nhiệm thông tin cho nhau về vấn đề có liên quan trong quá trình xử lý công việc được phân công.

2. Trong quá trình xử lý công việc, thành viên Hội đồng quản trị được phân công chịu trách nhiệm chính phải chủ động phối hợp xử lý, nếu có vấn đề liên quan đến lĩnh vực do thành viên Hội đồng quản trị khác phụ trách. Trong trường hợp giữa các thành viên Hội đồng quản trị còn có ý kiến khác nhau thì thành viên chịu trách nhiệm chính báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị xem xét quyết định theo thẩm quyền hoặc tổ chức họp hoặc lấy ý kiến của các thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và Quy chế này.

3. Trong trường hợp có sự phân công lại giữa các thành viên Hội đồng quản trị thì các thành viên Hội đồng quản trị phải bàn giao công việc, hồ sơ, tài liệu liên quan. Việc bàn giao này phải được lập thành văn bản và báo cáo Chủ tịch Hội đồng quản trị về việc bàn giao đó.

Điều 22. Mối quan hệ với ban điều hành

Với vai trò quản trị, Hội đồng quản trị ban hành các nghị quyết để Tổng Giám đốc và bộ máy điều hành thực hiện. Đồng thời, Hội đồng quản trị kiểm tra, giám sát thực hiện các nghị quyết. Trường hợp trong khi thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty, Tổng Giám đốc báo cáo Hội đồng quản trị để điều chỉnh nghị quyết, quyết định đó. Nếu Hội đồng quản trị không điều chỉnh lại nghị quyết, quyết định thì Tổng Giám đốc vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và nêu kiến

ngợi tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Mọi quan hệ với Ban Kiểm soát

1. Mọi quan hệ giữa Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát là quan hệ phối hợp. Quan hệ làm việc giữa Hội đồng quản trị với Ban Kiểm soát theo nguyên tắc bình đẳng và độc lập, đồng thời phối hợp chặt chẽ, hỗ trợ lẫn nhau trong quá trình thực thi nhiệm vụ.

2. Khi tiếp nhận các biên bản kiểm tra hoặc báo cáo tổng hợp của Ban Kiểm soát, Hội đồng quản trị có trách nhiệm nghiên cứu và chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng kế hoạch và thực hiện chấn chỉnh kịp thời.

Điều 24. Mọi quan hệ với tổ chức Đảng, Công đoàn và các tổ chức chính trị, xã hội khác.

1. Hội đồng quản trị tạo điều kiện về tài chính, cơ sở vật chất và các điều kiện cần thiết khác để tổ chức Công đoàn và các tổ chức chính trị khác trong Công ty hoàn thành các nhiệm vụ theo quy định của pháp luật hiện hành và Điều lệ của các tổ chức này.

2. Hội đồng quản trị giao Tổng Giám đốc ký Nội quy lao động và thỏa ước lao động với Ban Chấp hành Công đoàn Công ty theo quy định của Nhà nước, đồng thời xây dựng cơ chế để Ban Chấp hành Công đoàn cơ sở tham gia giám sát việc sử dụng hợp lý các quỹ liên quan đến phúc lợi, khen thưởng (nếu có) được trích lập từ lợi nhuận hàng năm của Công ty.

3. Hội đồng quản trị tiếp thu ý kiến và xử lý kịp thời các đề nghị, kiến nghị của tổ chức Công đoàn, Chi đoàn thanh niên và các tổ chức chính trị xã hội khác, đại diện cho ý nguyện chính đáng của đông đảo quần chúng đoàn viên Công đoàn, Chi đoàn thanh niên và người lao động đang làm việc tại Công ty.

Điều 25. Quan hệ với cổ đông

1. Hội đồng quản trị và các thành viên Hội đồng quản trị thiết lập và duy trì mối quan hệ thường xuyên với các cổ đông của Công ty; thực hiện đầy đủ các nội dung của Điều lệ Công ty liên quan đến các cổ đông và đảm bảo hiệu quả hoạt động hàng năm của Công ty vì lợi ích của các cổ đông.

2. Chủ tịch Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị cần xử lý kịp thời, minh bạch các kiến nghị của cổ đông; cần giải thích rõ ràng, kiên định các chất vấn của cổ đông và tham gia giải quyết triệt để các khiếu nại của cổ đông (nếu có) nhằm duy trì và giữ vững mối quan hệ tốt đẹp giữa Hội đồng quản trị và cổ đông.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 26. Hiệu lực thi hành

Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần cấp nước Sơn La bao gồm 07 chương, 26 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hồng

(Dự thảo)

Sơn La, ngày 17 tháng 03 năm 2023

QUY CHẾ NỘI BỘ VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Sơn La;

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số ...ngày...tháng...năm...

Hội đồng quản trị ban hành Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần cấp nước Sơn La.

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần cấp nước Sơn La bao gồm các nội dung sau:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế nội bộ về quản trị công ty quy định các nội dung về vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc; trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông; đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các hoạt động khác theo quy định tại Điều lệ công ty và các quy định hiện hành khác của pháp luật.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này được áp dụng cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và những người liên quan.

Điều 2. Đại hội đồng cổ đông

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông thường niên họp mỗi năm một lần. Ngoài cuộc họp thường niên, Đại hội đồng cổ đông có thể họp bất thường. Đại hội đồng cổ đông có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a) Thông qua định hướng phát triển của Công ty;
 - b) Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; quyết định mức cổ tức hằng năm của từng loại cổ phần;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - d) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;
 - đ) Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;
 - e) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;
 - h) Xem xét, xử lý vi phạm của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông Công ty;
 - i) Quyết định tổ chức lại, giải thể Công ty;
 - k) Quyết định ngân sách hoặc tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - l) Phê duyệt Quy chế quản trị nội bộ; Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - m) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
 - n) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định pháp luật.
- Đại hội đồng cổ đông thảo luận về các vấn đề sau:
- a) Kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán;
- c) Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị;
- d) Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của Công ty, kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc;
 - đ) Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát;
 - e) Mức cổ tức đối với mỗi cổ phần của từng loại;
 - g) Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát;
 - h) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
 - i) Quyết định tổng mức thù lao, thưởng và lợi ích khác đối với Hội đồng

quản trị, Ban kiểm soát;

k) Phê duyệt danh sách công ty kiểm toán được chấp thuận; quyết định công ty kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết;

l) Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;

m) Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 03 năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;

n) Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;

o) Tổ chức lại và giải thể Công ty và chỉ định người thanh lý;

p) Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong Báo cáo tài chính gần nhất của Công ty đã được kiểm toán;

q) Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần đã bán của mỗi loại;

r) Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 167 Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;

s) Chấp thuận các giao dịch quy định tại khoản 4 Điều 293 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

t) Phê duyệt Quy chế nội bộ về quản trị công ty, Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế hoạt động Ban kiểm soát;

u) Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này

2. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông:

Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp thường niên mỗi năm một lần và trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị quyết định gia hạn họp Đại hội đồng cổ đông thường niên trong trường hợp cần thiết, nhưng không quá 06 tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

- Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

- Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm được đã kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty;

- Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 của Điều lệ Công ty; yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

- Theo yêu cầu của Ban kiểm soát;

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

b) Lập Danh sách cổ đông có quyền dự họp

- Trình tự, thủ tục chốt danh sách cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không quá 10 ngày trước ngày gửi giấy mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải có họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần từng loại, số và ngày đăng ký cổ đông của từng cổ đông.

c) Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

- Công ty phải thông báo việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông, đồng thời công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.

- Cổ đông có quyền xem xét, tra cứu và trích lục thông tin về tên và địa chỉ liên lạc trong danh sách cổ đông có quyền biểu quyết; yêu cầu sửa đổi thông tin không chính xác của mình trong danh sách cổ đông có quyền dự họp.

d) Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông có quyền dự họp chậm nhất là 21 ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức để đảm bảo đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Công ty đăng ký giao dịch hoặc niêm yết.

- Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu họp không

được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:

- + Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp;

- + Danh sách và thông tin chi tiết các ứng viên trong trường họp bầu thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;

- + Phiếu biểu quyết;

- + Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;

- + Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

đ) Chương trình, nội dung Đại hội đồng cổ đông

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chuẩn bị chương trình, nội dung cuộc họp.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 12 Điều lệ Công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty chậm nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp. Kiến nghị phải ghi rõ tên cổ đông, số lượng từng loại cổ phần của cổ đông, vấn đề kiến nghị đưa vào chương trình họp.

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 18 Điều lệ Công ty nếu thuộc một trong các trường hợp sau:

- + Kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại khoản 4 Điều 18 Điều lệ Công ty;

- + Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên theo quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 12 Điều lệ Công ty;

- + Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

- + Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải chấp nhận và đưa kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều 18 Điều lệ Công ty vào dự kiến chương trình và nội dung cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 5 Điều 18 Điều lệ Công ty; kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình và nội dung cuộc họp nếu được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận.

e) Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức có thể trực tiếp tham dự họp hoặc ủy quyền cho một hoặc một số cá nhân, tổ chức khác dự họp hoặc dự họp thông qua một trong các hình thức quy định tại khoản 3 Điều

144 Luật Doanh nghiệp. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi người đại diện. Trường hợp cổ đông không xác định số cổ phần tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền thì số cổ phần sẽ được chia đều cho số lượng người đại diện theo ủy quyền. Việc cử người đại diện theo ủy quyền thực hiện theo quy định sau đây:

+ Cổ đông sở hữu dưới 10% tổng số cổ phần của Công ty được ủy quyền tối đa cho 01 người đại diện;

+ Cổ đông sở hữu từ 10% đến dưới 30% tổng số cổ phần của Công ty có thể ủy quyền tối đa cho 02 người đại diện;

+ Cổ đông sở hữu từ 30% đến dưới 40% tổng số cổ phần của Công ty có thể ủy quyền tối đa cho 03 người đại diện;

+ Cổ đông sở hữu từ 40% đến dưới 50% tổng số cổ phần của Công ty có thể ủy quyền tối đa cho 04 người đại diện;

+ Cổ đông sở hữu từ 50% đến dưới 60% tổng số cổ phần của Công ty có thể ủy quyền tối đa cho 05 người đại diện;

+ Cổ đông sở hữu từ 60% đến dưới 70% tổng số cổ phần của Công ty có thể ủy quyền tối đa cho 06 người đại diện;

+ Cổ đông sở hữu từ 70% đến dưới 80% tổng số cổ phần của Công ty có thể ủy quyền tối đa cho 07 người đại diện;

+ Cổ đông sở hữu từ 80% tổng số cổ phần của Công ty trở lên có thể ủy quyền tối đa cho 08 người đại diện;

- Việc ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty. Văn bản ủy quyền được lập theo quy định của pháp luật về dân sự và phải nêu rõ tên cổ đông ủy quyền, tên cá nhân, tổ chức được ủy quyền, số lượng cổ phần được ủy quyền, nội dung ủy quyền, phạm vi ủy quyền, thời hạn ủy quyền, chữ ký của bên ủy quyền và bên được ủy quyền.

- Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp. Trường hợp ủy quyền lại thì người tham dự họp phải xuất trình thêm văn bản ủy quyền ban đầu của cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

g) Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

- Cổ đông có thể đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm một trong các hình thức đăng ký sau:

đăng ký trực tiếp, gửi thư hoặc thư điện tử hoặc hình thức khác cho Công ty trước thời hạn ghi trong thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông.

- Hội đồng quản trị quyết định cách thức đăng ký cụ thể, đảm bảo thuận lợi nhất cho các cổ đông trong việc đăng ký tham dự và thông báo đến các cổ đông khi thông báo triệu tập họp.

h) Điều kiện tiến hành

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ hai được gửi trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.

- Trường hợp cuộc họp lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này thì thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

i) Hình thức thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết thuộc thẩm quyền bằng hình thức biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp.

k) Cách thức bỏ phiếu

- Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện theo ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Việc biểu quyết được tiến hành bằng biểu quyết tán thành, không tán thành và không có ý kiến.

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ biểu quyết hoặc bỏ phiếu biểu quyết vào hòm phiếu. Cách thức bỏ phiếu sẽ được quy định cụ thể và thông qua tại Quy chế làm việc của Đại hội.

- Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức hoặc người được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.

- Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên.

l) Cách thức kiểm phiếu

- Tại Đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ không tán thành nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hoặc không tán thành để quyết định. Kết quả kiểm phiếu được Chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.

m) Điều kiện đề nghị quyết được thông qua

- Trừ trường hợp quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các quyết định sau đây sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu bầu có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:

- + Thông qua Báo cáo tài chính năm;
- + Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty;
- + Miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo của Hội đồng quản trị về việc bỏ nhiệm Tổng giám đốc

- Bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp.

- Nghị quyết về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện từ 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết trở lên của tất cả cổ đông dự họp trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp tán thành:

- + Sửa đổi và bổ sung Điều lệ;
- + Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- + Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- + Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- + Dự án đầu tư hoặc mua, bán tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty được kiểm toán;
- + Tổ chức lại, giải thể Công ty;

- Các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự, thủ

tục triệu tập họp và thông qua nghị quyết đó vi phạm quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

- Trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát, người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên theo quy định của Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử.

n) Cách thức phản đối nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông

- Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày nhận được nghị quyết hoặc biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3, khoản 4 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ nghị quyết hoặc một phần nội dung nghị quyết Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

+ Trình tự, thủ tục triệu tập họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.

+ Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.

- Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ quyết định có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.

p) Lập biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

- Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;

+ Chương trình họp và nội dung cuộc họp;

+ Họ, tên chủ tọa và thư ký;

+ Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;

+ Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;

+ Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;

+ Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;

+ Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.

- Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp hoặc người khác ký tên trong biên bản họp phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

- Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung giữa biên bản bằng tiếng Việt và bằng tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản bằng tiếng Việt được áp dụng.

- Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

q) Công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

- Việc công bố nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

3. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

a) Ngoại trừ Đại hội đồng cổ đông thường niên, các vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông đều có thể được thông qua bằng hình thức biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản theo quy định tại Điều này.

b) Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua Nghị quyết bằng hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 3 Điều 21 Điều lệ Công ty.

- Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết và gửi đến tất cả cổ đông có quyền biểu quyết chậm nhất mười (10) ngày trước thời hạn phải gửi lại

phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.

- Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Mục đích lấy ý kiến;

+ Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với đại diện của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

+ Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

+ Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

+ Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

+ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người đại diện theo pháp luật của Công ty.

- Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến Công ty bằng hình thức gửi thư, fax hoặc thư điện tử theo quy định sau đây:

+ Trường hợp gửi thư, phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

+ Trường hợp gửi fax hoặc thư điện tử, phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu;

+ Các phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

- Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

+ Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;

+ Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;

+ Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số biểu quyết không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

+ Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

+ Vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ biểu quyết thông qua tương ứng;

+ Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

- Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

- Biên bản kiểm phiếu và nghị quyết phải được gửi đến các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Việc gửi biên bản kiểm phiếu và nghị quyết có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.

- Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

- Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản nếu được số cổ đông sở hữu ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông có quyền biểu quyết tán thành và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

4. Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến

Trình tự, thủ tục họp Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết bằng hình thức hội nghị trực tuyến hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến thực hiện theo quy chế do Hội đồng quản trị xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi thực hiện.

Điều 3. Hội đồng quản trị

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị, trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị

a) Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công ty, trừ các quyền và nghĩa vụ thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị.

b) Hội đồng quản trị có những quyền và nghĩa vụ sau

- Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty; Phê duyệt kế hoạch đầu tư, sửa chữa hàng năm do Tổng Giám đốc trình;

- Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
- Ký hợp đồng lao động, bổ nhiệm, miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng đối với Người điều hành doanh nghiệp và quyết định mức lương của họ;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm các chức danh trưởng phòng của công ty, Giám đốc các xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc công ty và các chức danh tương đương; thông qua các chức danh phó trưởng phòng của công ty, phó Giám đốc các xí nghiệp, chi nhánh trực thuộc công ty và các chức danh tương đương trước khi Tổng Giám đốc bổ nhiệm, miễn nhiệm;
- Giám sát, chỉ đạo Tổng Giám đốc;
- Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan đến các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
- Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
- Quyết định ban hành Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua, Quy chế về công bố thông tin của công ty;
- Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
- Đề xuất tổng mức thù lao và quyền lợi của Hội đồng quản trị, mức cổ tức hàng năm; quyết định thời hạn, thủ tục trả cổ tức;
- Kiến nghị loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
- Quyết định giá chào bán cổ phần và trái phiếu của Công ty trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
- Quyết định mua lại cổ phần theo quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 133 Luật Doanh nghiệp;
- Quyết định phương án đầu tư và dự án đầu tư trong thẩm quyền và giới hạn theo quy định của pháp luật;
- Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ;
- Thông qua hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng, giao dịch khác có giá trị từ 35% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty và hợp đồng, giao dịch thuộc thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 138, khoản 1 và khoản

3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp;

- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và quyền lợi khác của những người đó;

- Trình báo cáo tài chính hằng năm đã được kiểm toán lên Đại hội đồng cổ đông;

- Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, quy định khác của pháp luật và Điều lệ công ty.

c) Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:

- Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;

- Thành lập các công ty con của Công ty;

- Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 138 và khoản 1, khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;

- Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;

- Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;

- Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;

- Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;

- Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;

- Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;

- Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;

- Các vấn đề kinh doanh khác hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.

d) Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị theo quy định tại Điều 280 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.

e) Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

2. Đề cử, ứng cử, bầu, miễn nhiệm và bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

a) Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Hội đồng quản trị

- Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là bảy (07) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

b) Cơ cấu, tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Hội đồng quản trị

- Tổng số thành viên Hội đồng quản trị không điều hành phải chiếm ít nhất 1/3 tổng số thành viên Hội đồng quản trị đồng thời có ít nhất 1/5 tổng số thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập. Trường hợp số thành viên Hội đồng quản trị của công ty có ít hơn năm (05) người, Công ty phải đảm bảo có 01 thành viên Hội đồng quản trị là thành viên độc lập.

- Thành viên Hội đồng quản trị phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau:

+ Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

+ Phải là cổ đông sở hữu từ 05% tổng số cổ phần của Công ty trở lên hoặc là người đại diện ủy quyền của cổ đông quản lý từ 05% tổng số cổ phần của Công ty trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng;

+ Có trình độ Đại học trở lên, hiểu biết pháp luật;

+ Cổ đông nắm giữ hoặc được ủy quyền từ 05% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất 06 tháng.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị thông báo cho các cổ đông về số lượng thành viên dự kiến được bầu, bổ sung vào Hội đồng quản trị, đồng thời thông báo các điều kiện, tiêu chuẩn phải đáp ứng đối với các chức danh được bầu để các cổ đông đề cử, ứng cử.

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị.

Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên;

- Trường hợp số lượng ứng cử viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị.

d) Cách thức bầu thành viên Hội đồng quản trị

Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm và bổ sung thành viên Hội đồng quản trị

- Thành viên Hội đồng quản trị chính thức bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau (không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị), kể từ thời điểm Hội đồng quản trị họp và ra văn bản xác nhận mà không cần phải chờ Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết miễn nhiệm:

+ Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại điểm a, b và c Khoản 1 Điều 25 của Điều lệ này;

+ Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;

+ Có đơn từ chức;

+ Thành viên Hội đồng quản trị là cổ đông, nhưng sau đó đã chuyển nhượng hết cổ phần của mình cho người khác;

+ Thành viên Hội đồng quản trị là người đại diện ủy quyền của cổ đông nhưng đã bị rút ủy quyền đại diện hoặc cổ đông được đại diện đó đã chuyển nhượng hết cổ phần cho người khác;

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

+ Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;

+ Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của thành viên Hội đồng quản trị quy định trong Điều lệ công ty và pháp luật có liên quan;

+ Thành viên Hội đồng quản trị tham ô tài sản của công ty, cố ý làm trái quy định của pháp luật và Điều lệ công ty gây thiệt hại về tài sản, uy tín, thương hiệu của công ty sẽ bị bãi nhiệm ngay lập tức kể từ thời điểm Hội đồng quản trị họp và ra văn bản kết luận sau khi đã tập họp đầy đủ bằng chứng chứng minh về hành vi sai phạm của thành viên đó mà không cần phải chờ Đại hội đồng cổ đông ra nghị quyết bãi nhiệm, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

- Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

+ Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá 1/3.

+ Trường hợp khác, tại cuộc họp gần nhất, Đại hội đồng cổ đông bầu thành viên mới thay thế cho thành viên Hội đồng quản trị đã bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị

- Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Hội đồng quản trị, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Công ty nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm:

+ Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;

+ Trình độ chuyên môn;

+ Quá trình công tác;

+ Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;

+ Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;

+ Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;

+ Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có)

+ Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;

- Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán trong vòng 24h kể từ khi xảy ra sự kiện theo

quy định của pháp luật chứng khoán.

g) Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị do Hội đồng quản trị bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong số các thành viên Hội đồng quản trị.

- Chủ tịch Hội đồng quản trị được bầu trong cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập và chủ trì. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

- Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị có đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận đơn từ chức hoặc bị miễn nhiệm, bãi nhiệm.

3. Thù lao và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị.

- Công ty có quyền trả thù lao, thưởng cho thành viên Hội đồng quản trị theo kết quả và hiệu quả kinh doanh. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

- Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của từng thành viên Hội đồng quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

- Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

- Thành viên Hội đồng quản trị có thể được Công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không

bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên Hội đồng quản trị liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Trình tự và thủ tục tổ chức họp Hội đồng quản trị bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết nhưng phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần.

b) Các trường hợp phải triệu tập họp Hội đồng quản trị bất thường

- Có đề nghị của Ban kiểm soát hoặc thành viên độc lập Hội đồng quản trị;
- Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;
- Có đề nghị của ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
- Các trường hợp khác (nếu có).

- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản b nêu trên. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị tổ chức họp có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

c) Thông báo họp Hội đồng quản trị

Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, gửi thông báo mời họp chậm nhất là năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thông báo mời họp phải xác định cụ thể thời gian và địa điểm họp, chương trình, các vấn đề thảo luận và quyết định. Thông báo mời họp phải kèm theo tài liệu sử dụng tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên. Thông báo mời họp Hội đồng quản trị có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác do Điều lệ công ty quy định và bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại Công ty.

d) Quyền dự họp Hội đồng quản trị của thành viên Ban kiểm soát

Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp gửi thông báo mời họp và tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

đ) Điều kiện tổ chức họp Hội đồng quản trị

Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định tại khoản này không

đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Trường hợp này, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

e) Cách thức biểu quyết

- Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết theo quy định tại khoản 9 Điều này;
- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử;
- Gửi phiếu biểu quyết bằng phương tiện khác.

g) Cách thức thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị

- Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ban hành nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên dự họp Hội đồng quản trị tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

- Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

h) Việc ủy quyền cho người khác dự họp của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị. Thành viên được ủy quyền cho người khác dự họp và biểu quyết nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

i) Lập biên bản họp Hội đồng quản trị

- Cuộc họp Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- + Thời gian và địa điểm họp;
- + Mục đích, chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- + Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức họp; họ, tên các thành viên không dự họp, lý do;
- + Vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
- + Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp;
- + Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán

thành và không có ý kiến;

+ Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký;

k) Trường hợp chủ tọa và/hoặc thư ký từ chối ký Biên bản họp Hội đồng quản trị

Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp

l) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị

Việc công bố nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị thực hiện theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan.

5. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

a) Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có tối thiểu là ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban.

b) Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty.

6. Lựa chọn, bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

Người phụ trách quản trị công ty không được đồng thời làm việc cho tổ chức kiểm toán được chấp thuận đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty.

b) Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Hội đồng quản trị của Công ty phải bổ nhiệm ít nhất một (01) người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ công tác quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm

c) Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

- Không còn đủ tiêu chuẩn theo điểm a Khoản 6 Điều này;
- Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công.

a) Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Việc bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty phải được thông báo theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán

đ) Quyền và nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị công ty

- Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;
- Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- Tham dự các cuộc họp;
- Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên Hội đồng quản trị và thành viên Ban kiểm soát;
- Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của Công ty;
- Là đầu mối liên lạc với các bên có quyền lợi liên quan;
- Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 4. Ban Kiểm soát

1. Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát, trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát.

a) Vai trò, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

- Đề xuất, kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; quyết định tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra hoạt động của Công ty, bãi miễn kiểm toán viên được chấp thuận khi xét thấy cần thiết;
- Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
- Giám sát tình hình tài chính của Công ty, việc tuân thủ pháp luật trong hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác;
- Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông;

- Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của doanh nghiệp, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

- Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;

- Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 290 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

- Có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc;

- Có quyền yêu cầu Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty. Người phụ trách quản trị công ty phải đảm bảo rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các thành viên Ban Kiểm soát vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với các cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị;

- Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

b) Trách nhiệm của Ban kiểm soát

- Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;

- Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, miễn cán nhằm đảm bảo tối đa lợi ích hợp pháp của Công ty;

- Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty.

2. Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban kiểm soát bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Nhiệm kỳ, số lượng, thành phần, cơ cấu thành viên Ban Kiểm soát

- Số lượng thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của thành viên Ban kiểm soát không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

- Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

b) Tiêu chuẩn và điều kiện của thành viên Ban Kiểm soát

- Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo

quy định tại Điều 169 Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- + Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;
- + Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.

c) Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

- Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên;

- Trường hợp số lượng ứng cử viên thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên. Việc Ban kiểm soát giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

d) Cách thức bầu thành viên Ban Kiểm soát

- Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ Công ty. Trường hợp có từ 02 ứng viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại Quy chế bầu cử

đ) Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

- Thành viên Ban Kiểm soát bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - + Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại khoản 2 Điều này;
 - + Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - + Có đơn từ chức và được chấp thuận;

- + Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
- Thành viên Ban kiểm soát bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - + Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - + Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - + Theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.;
 - + Trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

e) Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban Kiểm soát

Việc bầu, bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát phải được thông báo theo quy định của Điều lệ Công ty, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán

g) Tiền lương và quyền lợi khác của thành viên Ban kiểm soát

- Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

- Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

- Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 5. Tổng Giám đốc

1. Vai trò, trách nhiệm, quyền và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc

a) Tổng Giám đốc là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao

b) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông; Tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư, sửa chữa của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phê duyệt;

c) Quyết định các vấn đề liên quan đến công việc kinh doanh hằng ngày của Công ty mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị;

d) Xây dựng kế hoạch năm (05) năm và kế hoạch hàng năm về sản xuất kinh doanh, về dự án đầu tư, về cải tạo nâng cấp, về kế hoạch chi phí của Công

ty trình Hội đồng quản trị phê duyệt trước ngày 31 tháng 01 hàng năm; Hàng tháng và quý báo cáo Hội đồng quản trị kết quả thực hiện trước ngày 05 của tháng kế tiếp;

e) Xây dựng và trình Hội đồng quản trị xem xét phê duyệt cơ cấu tổ chức và nhân sự của Công ty bao gồm: sắp xếp tổ chức bộ máy toàn Công ty; số lượng nhân sự từng bộ phận và năng lực yêu cầu, mức lương, thưởng từng vị trí công việc; kế hoạch tuyển dụng, kế hoạch giảm biên chế (nếu có); quy chế quản lý nội bộ Công ty; Nội quy lao động; kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và luân chuyển cán bộ;

g) Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý Công ty;

h) Kiến nghị Hội đồng quản trị bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng, kỷ luật các chức danh do Hội đồng quản trị quản lý;

i) Đại diện Công ty ký kết các hợp đồng kinh tế, giao dịch, với các cơ quan bên ngoài, đại diện Công ty trong hoạt động tố tụng;

k) Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình đề Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

l) Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.

2. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

a) Nhiệm kỳ, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc

- Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế

- Điều kiện và tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc

+ Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được phép thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;

+ Có trình độ đại học trở lên, am hiểu pháp luật;

+ Có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm trong công tác quản trị, điều hành doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực cấp nước đô thị; không phải là Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Giám đốc/Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng của doanh nghiệp làm ăn thua lỗ liên tục 03 năm liên tục liền trước đó tính đến thời điểm được bổ nhiệm hoặc của những doanh nghiệp đã bị phá sản trong thời hạn 05 năm liền kề trước thời điểm bổ nhiệm.

b) Bỏ nhiệm, ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị bỏ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc

c) Miễn nhiệm, chấm dứt hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc

Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bỏ nhiệm Tổng Giám đốc mới thay thế

đ) Thông báo bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Tổng Giám đốc

Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc phải được thông báo trên trang thông tin điện tử của Công ty, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở Giao dịch Chứng khoán trong vòng 24h kể từ khi xảy ra sự kiện theo quy định của pháp luật chứng khoán.

d) Tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc.

- Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định.

- Tiền lương của Tổng Giám đốc được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty và phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông tại cuộc họp thường niên.

Điều 6. Các hoạt động khác

1. Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

a) Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

- Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp gửi thông báo mời họp và tài liệu kèm theo đến các thành viên Ban kiểm soát như đối với các thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Ban Kiểm soát có quyền dự các cuộc họp Hội đồng quản trị; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

- Khi thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc người triệu tập họp có thể mời Ban Tổng Giám đốc hoặc người điều hành khác có liên quan tham dự cuộc họp của Hội đồng quản trị.

- Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản được thực hiện theo quy định của Quy chế này.

- Tại các phiên họp định kỳ, đột xuất của Ban điều hành, người chủ trì căn cứ nội dung cuộc họp có thể quyết định mời Chủ tịch, thành viên Hội đồng quản

trị, Trưởng Ban kiểm soát, thành viên Ban kiểm soát cùng tham dự và đóng góp ý kiến.

b) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Ban kiểm soát

- Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi biên bản họp Hội đồng quản trị hoặc nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị tới Ban kiểm soát trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

c) Thông báo nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị cho Tổng Giám đốc

- Nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị.

d) Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp Hội đồng quản trị và những vấn đề cần xin ý kiến Hội đồng quản trị

- Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận:

+ Có đề nghị của Ban kiểm soát;

+ Có đề nghị của Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người quản lý khác;

- Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đề nghị quy định tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp Hội đồng quản trị theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; người đề nghị tổ chức họp nêu tại khoản 3 Điều 31 Điều lệ Công ty có quyền thay thế Chủ tịch Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị.

đ) Báo cáo của Tổng Giám đốc với Hội đồng quản trị về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị, Đại hội đồng cổ đông và pháp luật của nhà nước về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

e) Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của Hội đồng quản trị đối với Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị và các vấn đề được Hội đồng quản trị phân cấp đồng thời có trách nhiệm báo cáo các nội dung đã thực hiện hoặc chưa thực hiện cũng như kết quả việc thực hiện khi Hội đồng quản trị yêu cầu.

g) Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên Hội đồng quản trị, các thành viên Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên.

- Phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát

Hội đồng quản trị đảm bảo rằng tất cả các tài liệu, thông tin về nội dung họp, biên bản họp, nghị quyết họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị; các báo cáo của Tổng Giám đốc và người điều hành khác trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành, được cung cấp cho Ban kiểm soát cùng thời điểm và phương thức như cung cấp với các thành viên Hội đồng quản trị.

- Phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện cung cấp thông tin theo định kỳ các công việc theo quy định của Công ty.

Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và người điều hành khác thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo có liên quan đến công việc mà thành viên Ban kiểm soát được phân công thực hiện.

Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động kinh doanh của Công ty, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát.

Tổng Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát được tiếp cận thông tin, báo cáo trong khoảng thời gian nhanh nhất. Các văn bản báo cáo của Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và phương thức như gửi đến các thành viên Hội đồng quản trị.

- Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị được quyền yêu cầu Tổng Giám đốc và các đơn vị báo cáo thực hiện cung cấp thông tin, chấp hành chế độ báo cáo nhằm thực hiện chức năng quản trị, kiểm soát theo quy định tại Điều lệ Công ty, phù hợp với quy định của pháp luật. Các thông tin, số liệu báo cáo cung cấp phải đảm bảo tính trung thực, khách quan, đầy đủ, kịp thời, phản ánh đúng tình hình hoạt động của Công ty, phù hợp với yêu cầu quản trị và quy định pháp luật.

2. Quy định về đánh giá hàng năm đối với hoạt động khen thưởng và kỷ luật đối với thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác

- Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công, Hội đồng quản trị tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành của từng thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người điều hành khác của Công ty.

- Trưởng Ban kiểm soát tổ chức đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ được phân công của Kiểm soát viên

Điều 7. Công bố thông tin

1. Công ty phải công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin định kỳ và các thông tin bất thường theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

2. Cách thức công bố thông tin được thực hiện theo quy định của pháp luật nhằm đảm bảo cổ đông, nhà đầu tư được tiếp cận một cách công bằng.

3. Người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin có trách nhiệm công bố các thông tin của Công ty theo quy định của pháp luật về công bố thông tin. Công khai tên, số điện thoại làm việc để cổ đông có thể dễ dàng liên hệ.

Điều 8. Sửa đổi, bổ sung Quy chế

1. Việc sửa đổi, bổ sung quy chế phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

Điều 9. Hiệu lực thi hành

Quy chế nội bộ về quản trị công ty Công ty cổ phần cấp nước Sơn La bao gồm 09 điều và có hiệu lực thi hành kể từ ngày...tháng...năm...

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**

Nguyễn Văn Hồng

MỤC LỤC:

CHƯƠNG I: QUY ĐỊNH CHUNG	2
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng.....	2
Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát.....	2
Điều 3. Giải thích từ ngữ.....	2
CHƯƠNG II: THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT.....	3
Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Thành viên Ban kiểm soát.....	3
Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng Thành viên Ban kiểm soát.....	4
Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện Thành viên Ban kiểm soát	4
Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát.....	5
Điều 8. Đề cử, ứng cử Thành viên Ban kiểm soát.....	5
Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát.....	6
Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Thành viên Ban kiểm soát..	7
CHƯƠNG III: BAN KIỂM SOÁT.....	7
Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát.....	7
Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát.....	10
Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông	10
CHƯƠNG IV: CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT.....	11
Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát.....	11
Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát.....	11
CHƯƠNG V: BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH.....	12
Điều 17. Trình báo cáo hàng năm.....	12
Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác.....	12
Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan	13
CHƯƠNG VI: MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT	14
Điều 20. Mối quan hệ giữa Thành viên Ban kiểm soát.....	14
Điều 21. Mối quan hệ với Ban Điều hành.....	14
Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị.....	14
Điều 23. Khen thưởng và kỷ luật.....	15
CHƯƠNG VII: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	15
Điều 24. Sửa đổi, bổ sung	15
Điều 25. Hiệu lực thi hành	15

(Dự thảo)

Sơn La, ngày 17 tháng 03 năm 2023

**QUY CHẾ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA
BAN KIỂM SOÁT CÔNG TY CỔ PHẦN CẤP NƯỚC SƠN LA**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 (“LDN 2020”).
- Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIV thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“LCK 2019”).
- Nghị định 155/2020/NĐ – CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán.
- Căn cứ Nghị quyết số .../.../ ngày .../... của Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần cấp nước Sơn La.
- Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần cấp nước Sơn La.
- Căn cứ Quy chế nội bộ về Quản trị công ty của Công ty cổ phần cấp nước Sơn La.

Chương 1: QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát Công ty CP cấp nước Sơn La quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, tiêu chuẩn, điều kiện, quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và các quy định khác có liên quan.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát được áp dụng cho Ban kiểm soát và các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của Ban kiểm soát chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của Ban kiểm soát.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây có nghĩa như sau:

- a. “SOWASUCO” có nghĩa là Công ty cổ phần cấp nước Sơn La
 - b. “Ban Kiểm soát” có nghĩa là Ban Kiểm soát của SOWASUCO;
 - c. “Hội đồng quản trị” có nghĩa là Hội đồng quản trị của SOWASUCO;
 - d. “Ban Điều hành” có nghĩa là Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của SOWASUCO được Hội đồng quản trị bổ nhiệm;
 - e. “Người quản lý” là thành viên HĐQT, Ban Điều hành và các chức danh quản lý khác của SOWASUCO;
 - f. “Người có liên quan” có nghĩa là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với tổ chức, cá nhân khác thuộc một trong các trường hợp sau đây:
 - g. Công ty mẹ với công ty con và ngược lại; các công ty con của cùng một công ty mẹ với nhau; người quản lý, thành viên ban kiểm soát của công ty mẹ, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;
 - h. Công ty với người quản lý, thành viên ban kiểm soát của công ty đó hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;
 - i. Công ty với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại công ty đó và ngược lại;
 - j. Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của người này;
 - k. Công ty với cá nhân theo quy định tại điểm (iv) khoản này của người quản lý, thành viên ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% vốn điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của công ty đó và ngược lại;
 - l. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm (i), (ii), (iii), (iv) và (v) khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.
- “Điều lệ SOWASUCO” là Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần cấp nước Sơn La;

2. Các thuật ngữ khác được sử dụng trong Quy chế này có nghĩa như trong Điều lệ SOWASUCO.

Chương II

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 4. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ công ty, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.

2. Thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty.

3. Trung thành với lợi ích của Công ty và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

4. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

5. Trường hợp vi phạm quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này mà gây thiệt hại cho Công ty hoặc người khác thì thành viên Ban kiểm soát phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó. Thu nhập và lợi ích khác mà thành viên Ban kiểm soát có được do vi phạm phải hoàn trả cho Công ty.

6. Trường hợp phát hiện có thành viên Ban kiểm soát vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì phải thông báo bằng văn bản đến Ban kiểm soát, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và khắc phục hậu quả.

Điều 5. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có từ 03 thành viên do Đại hội đồng Cổ đông bầu. Số thành viên Ban Kiểm soát chuyên trách không ít hơn 1 thành viên. Thành viên Ban kiểm soát không nhất thiết phải là cổ đông của Công ty.

2. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam.

3. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát không quá 05 (năm) năm; các thành viên Ban Kiểm soát có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát theo nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát. Nhiệm kỳ của thành viên Ban Kiểm soát được bổ sung hoặc thay thế là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ. Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi Ban Kiểm soát của nhiệm kỳ mới tiếp quản công việc.

4. Trường hợp số thành viên Ban Kiểm soát không đủ $\frac{2}{3}$ (hai phần ba) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ SOWASUCO thì trong thời hạn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, Ban Kiểm soát phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Ban Kiểm soát.

Điều 6. Tiêu chuẩn và điều kiện thành viên Ban kiểm soát

1. Thành viên Ban kiểm soát phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

a) Không thuộc đối tượng theo quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật doanh nghiệp;

b) Được đào tạo một trong các chuyên ngành về kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành phù hợp với hoạt động kinh doanh của Công ty;

c) Không phải là người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác;

d) Không phải là người quản lý Công ty, không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của Công ty;

đ) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Công ty;

e) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty trong 03 năm liền trước đó;

g) Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ công ty.

2. Ngoài các tiêu chuẩn, điều kiện quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên Ban kiểm soát công ty đại chúng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 88 của Luật Doanh nghiệp không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý doanh nghiệp của Công ty và công ty mẹ; người đại diện phần vốn của doanh nghiệp, người đại diện phần vốn nhà nước tại công ty mẹ và tại Công ty.

Điều 7. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

2. Trưởng Ban kiểm soát do Ban kiểm soát bầu trong số các thành viên Ban kiểm soát; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số.

3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát do Điều lệ công ty quy định.

Điều 8. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu từ 5% tới dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% tới dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% tới dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% tới dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% tới dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% tới dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% tới dưới 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% tới dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

2. Việc đề cử người vào Ban kiểm soát thực hiện như sau:

a) Các cổ đông phổ thông hợp thành nhóm để đề cử người vào Ban kiểm soát phải thông báo về việc hợp nhóm cho các cổ đông dự họp biết trước khi khai mạc Đại hội đồng cổ đông;

b) Căn cứ số lượng thành viên Ban kiểm soát, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này được quyền đề cử một hoặc một số người theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông làm ứng cử viên Ban kiểm soát. Trường hợp số ứng cử viên được cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử thấp hơn số ứng cử viên mà họ được quyền đề cử theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông thì số ứng cử viên còn lại do Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và các cổ đông khác đề cử.

3. Trường hợp số lượng ứng cử viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết theo quy định tại khoản 5 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề

cử theo quy định tại Điều lệ công ty, Quy chế nội bộ về quản trị công ty và Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát. Việc Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu thêm ứng cử viên phải được công bố rõ ràng trước khi Đại hội đồng cổ đông biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật.

4. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm Thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố tối thiểu bao gồm:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị, các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp cho ứng viên cho Công ty trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị trong Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có)

Điều 9. Cách thức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

2. Việc biểu quyết bầu thành viên Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định tại quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 10. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Đại hội đồng cổ đông miễn nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Ban kiểm soát theo quy định tại Điều 169 của Luật Doanh nghiệp;

- b) Có đơn từ chức và được chấp thuận;
- c) Trường hợp khác do Điều lệ công ty quy định.

2. Đại hội đồng cổ đông bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát trong trường hợp sau đây:

- a) Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
- b) Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
- c) Vi phạm nhiều lần, vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- d) Trường hợp khác theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.

Điều 11. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, Công ty phải công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của công ty nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban kiểm soát được công bố bao gồm:

- a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b) Trình độ chuyên môn;
- c) Quá trình công tác;
- d) Các chức danh quản lý khác;
- đ) Lợi ích có liên quan tới Công ty và các bên có liên quan của Công ty;
- e) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ công ty;
- g) Công ty phải có trách nhiệm công bố thông tin về các công ty mà ứng cử viên đang nắm giữ các chức danh quản lý và các lợi ích có liên quan tới Công ty của ứng cử viên Ban kiểm soát (nếu có).

2. Việc thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin.

Chương III BAN KIỂM SOÁT

Điều 12. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

2. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị, bộ máy điều hành của Công ty và chịu sự lãnh đạo trực tiếp và chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông trong thực hiện các nhiệm vụ được giao; thay mặt Đại hội đồng cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty.

3. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cần trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính.

4. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính hằng năm và 06 tháng của Công ty, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông.

5. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Công ty.

6. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và các tài liệu khác của Công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp.

7. Khi có yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 115 Luật Doanh nghiệp, Ban kiểm soát thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ban kiểm soát phải báo cáo về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ban kiểm soát quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

8. Kiến nghị Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

9. Khi phát hiện có thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc vi phạm quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp phải thông báo ngay bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

10. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Công ty.

11. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Công ty để thực hiện nhiệm vụ được giao.

12. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.

13. Kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty theo đề nghị của cổ đông.

14. Yêu cầu Hội đồng quản trị phải triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông.

15. Thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp.

16. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.

17. Xem xét, trích lục, sao chép một phần hoặc toàn bộ nội dung kê khai Danh sách người có liên quan và lợi ích có liên quan được kê khai quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 164 Luật Doanh nghiệp.

18. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

19. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình.

20. Giám sát tình hình tài chính Công ty, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc), người quản lý khác trong các hoạt động.

21. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và cổ đông.

22. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người điều hành doanh nghiệp khác, Ban kiểm soát phải thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

23. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

24. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

25. Trưởng Ban kiểm soát điều hành để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp đối với trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc mà các thành viên Hội đồng quản trị còn lại không bầu được người làm chủ tọa. Trường hợp này, người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

26. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 13. Quyền được cung cấp thông tin của Ban kiểm soát

1. Tài liệu và thông tin phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị, bao gồm:

a) Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;

b) Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

c) Báo cáo của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do Công ty phát hành.

2. Thành viên Ban kiểm soát có quyền tiếp cận hồ sơ, tài liệu của Công ty lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến địa điểm làm việc của người quản lý và nhân viên của Công ty trong giờ làm việc.

3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty theo yêu cầu của thành viên Ban kiểm soát hoặc Ban kiểm soát.

Điều 14. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

a) Khi số thành viên của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên tối thiểu theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định trong Điều lệ này;

b) Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;

c) Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 165 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;

d) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Công ty.

3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Công ty hoàn lại.

Chương IV

CUỘC HỌP BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Cuộc họp của Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên Ban kiểm soát.

2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và đại diện tổ chức kiểm toán được chấp thuận tham dự và trả lời các vấn đề cần được làm rõ.

3. Thành viên Ban kiểm soát được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- a. Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b. Ủy quyền cho người khác đến dự họp và biểu quyết;
- c. Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d. Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

4. Cuộc họp của Ban kiểm soát có thể tổ chức theo hình thức nghị sự giữa Thành viên Ban kiểm soát khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- a. Nghe từng Thành viên Ban kiểm soát khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Ban kiểm soát tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất Thành viên Ban kiểm soát, hoặc là địa điểm có mặt Trưởng Ban kiểm soát.

Điều 16. Biên bản họp Ban kiểm soát

1. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng, có thể ghi âm, ghi và lưu dưới hình thức điện tử khác. Người ghi biên bản và các thành viên Ban kiểm soát tham dự họp phải ký tên vào biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát.

2. Biên bản họp Ban kiểm soát và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Chương V

BÁO CÁO VÀ CÔNG KHAI LỢI ÍCH

Điều 17. Trình báo cáo hàng năm

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên theo quy định tại điểm d, điểm đ khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp và phải đảm bảo có các nội dung sau: tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.

3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.

5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Công ty với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.

6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành doanh nghiệp khác.

7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

8. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Công ty; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết.

Điều 18. Tiền lương và quyền lợi khác

Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Thành viên Ban kiểm soát được trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát.

2. Thành viên Ban kiểm soát được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

3. Tiền lương và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, quy định khác của pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 19. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Công ty phải kê khai cho Công ty về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:

a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;

b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.

2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Công ty trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Công ty.

4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Công ty, công ty con, công ty khác do Công ty nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Công ty phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Chương VI

MỐI QUAN HỆ CỦA BAN KIỂM SOÁT

Điều 20. Mối quan hệ giữa các thành viên Ban kiểm soát

Các thành viên Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định pháp luật và Điều lệ công ty. Trưởng Ban Kiểm soát là người điều phối công việc chung của Ban kiểm soát nhưng không có quyền chi phối các thành viên Ban kiểm soát.

Điều 21. Mối quan hệ với ban điều hành

1. Ban kiểm soát có mối quan hệ độc lập với Ban điều hành công ty, là đơn vị thực hiện chức năng kiểm tra và giám sát hoạt động của Ban điều hành.

2. Trường hợp xét thấy cần thiết, Ban điều hành có thể mời Trưởng ban kiểm soát hoặc các thành viên Ban kiểm soát tham dự các cuộc họp của Ban điều hành hoặc các cuộc họp khác và đóng góp ý kiến.

3. Ngoài các thông tin báo cáo định kỳ, theo yêu cầu của Trưởng ban kiểm soát, Ban điều hành thực hiện báo cáo trực tiếp hoặc cung cấp các thông tin, báo cáo về tình hình hoạt động của Công ty.

4. Trường hợp phát hiện rủi ro có thể ảnh hưởng lớn đến uy tín và hoạt động của Công ty, Ban điều hành cần báo cáo ngay cho Ban kiểm soát.

5. Ban điều hành chịu trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát tiếp cận các thông tin, báo cáo trong thời gian nhanh nhất.

6. Các văn bản báo cáo của Ban điều hành trình Hội đồng quản trị phải được gửi đến thành viên Ban kiểm soát cùng thời điểm và theo phương thức như gửi đến thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 22. Mối quan hệ với Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có trách nhiệm hợp tác chặt chẽ với Ban kiểm soát, tạo điều kiện cung cấp tất cả các tài liệu và thông tin cần thiết cho Ban kiểm soát, tôn trọng tư cách khách quan độc lập của Ban kiểm soát.

2. Hội đồng quản trị tạo điều kiện tốt nhất cho các thành viên Ban kiểm soát trong việc thực hiện chức năng và nhiệm vụ của Ban kiểm soát và phải có trách nhiệm chỉ đạo, giám sát việc chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo đề xuất của Ban kiểm soát.

3. Hội đồng quản trị bảo đảm Ban kiểm soát được tham dự cuộc họp định kỳ và bất thường của Hội đồng quản trị.

4. Ban kiểm soát kịp thời thông báo cho Hội đồng quản trị khi phát hiện các trường hợp vi phạm của người điều hành theo quy định của pháp luật, Điều lệ Công ty.

5. Ban kiểm soát đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Điều lệ Công ty.

6. Ngoài các thông tin báo cáo theo định kỳ, các thành viên Ban kiểm soát có thể đề nghị Hội đồng quản trị cung cấp các thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

7. Hội đồng quản trị đảm bảo tất cả bản sao các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ được cung cấp cho thành viên Ban kiểm soát cùng với việc cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị.

Điều 23. Khen thưởng và kỷ luật

1. Thành viên Ban Kiểm soát được khen thưởng và kỷ luật theo quy định về khen thưởng và kỷ luật của SOWASUCO.

2. Hàng năm, Trưởng Ban Kiểm soát tiến hành tổ chức việc đánh giá hoạt động của các thành viên Ban Kiểm soát và đề xuất hình thức khen thưởng và kỷ luật để Hội đồng quản trị tổng hợp trình Đại hội đồng cổ đông xem xét, quyết định.

3. Trưởng Ban Kiểm soát đánh giá kết quả hoạt động của các cán bộ thuộc Ban Kiểm soát theo quy định của SOWASUCO và đề xuất hình thức khen thưởng và kỷ luật để trình Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 24. Sửa đổi, bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Ban kiểm soát soạn thảo, xây dựng và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này gồm VII chương, 25 Điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La thống nhất thông qua ngày ... tháng ... năm 2022 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Quy chế này.

2. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế này có giá trị khi có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật.

3. Ban Kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát của Công ty cổ phần Cấp nước Sơn La chịu trách nhiệm thi hành Quy chế này.

**TM.BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN**

